

Sở GD&ĐT Thành phố Đà Nẵng

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

Tổ: Ngữ Văn

GV: Nguyễn Thị Nên

Ngày soạn: 01/01/2026

Thời gian thực hiện:

+ Lớp: 11/13 (Tuần 19, 20, 21, 22)

+ Lớp: 11/2 (Tuần 20, 21, 22, 23)

Bài 6

**NGUYỄN DU “NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY MÀ
ĐAU ĐÓN LÒNG”**

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:

1. Đọc:

VB 1: Tác gia Nguyễn Du

VB 2: Trao duyên (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du)

VB 3: Độc Tiểu Thanh kí (Đọc truyện về nàng Tiểu Thanh - Nguyễn Du)

Thực hành đọc: Chí khí anh hùng (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du), Mộng đặc thái liên (Mơ đi hái sen - Nguyễn Du)

2. Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ lặp cấu trúc, biện pháp tu từ đối.

3. Viết: Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.

4. Nói và nghe: Giới thiệu một tác phẩm văn học.

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 Tiết – KHGD

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC

Năng lực chung	Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	<i>Năng lực ngôn ngữ</i> (đọc – viết – nói và nghe); <i>năng lực văn học</i> . HS biết: - Vận dụng được những hiểu biết về Nguyễn Du để đọc hiểu một số tác phẩm của đại thi hào. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ. - So sánh được hai văn bản văn học ở các giai đoạn khác nhau viết cùng đề tài; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn văn bản được đọc. - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối trong sáng tác văn học. - Viết được bài văn thuyết minh về tác phẩm văn học, có lòng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Giới thiệu được (dưới hình thức nói) một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

II. PHẨM CHẤT

Trân trọng những di sản văn học; đồng cảm, chia sẻ với tinh thần nhân đạo thấm đượm trong nền văn học truyền thống của dân tộc.

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, ti vi (hoặc máy chiếu), tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu được sử dụng để dạy học đọc, viết.
- Phiếu bài tập, phiếu củng cố mở rộng, phiếu ghi chép, bảng kiểm, rubric đánh giá bài viết, bài nói.

2. Học sinh.

- Đọc phần Tri Thức Ngữ Văn và chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.
- Đọc kĩ phần yêu cầu, định hướng trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 55,56

VĂN BẢN 1: TÁC GIA NGUYỄN DU

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du, từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: *Trao duyên*, *Đọc Tiểu Thanh kí* và các văn bản trong phần *Thực hành đọc*.
- Hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

2. Phẩm chất: Trân trọng những đóng góp của Nguyễn Du với nền văn hoá, văn học dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, phiếu học tập, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, clip về tác giả và tác phẩm, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về tác gia Nguyễn Du.

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức trò chơi “Theo dấu nàng Kiều”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 6 đội chơi (mỗi đội chọn 2 ứng viên tham gia trò chơi): “Theo dấu nàng Kiều” - GV trình chiếu và đọc diễn cảm bài thơ của Hoàng Trung Thông. Yêu cầu: HS nghe đọc bài thơ, quan sát, tìm và viết vào bảng phụ những câu Kiều của Nguyễn Du được gọi ra từ bài thơ của Hoàng Trung Thông (thời gian 2 phút). Thăm mộ Nguyễn Du (Hoàng Trung Thông) <i>Thật kỳ lạ nơi Nguyễn Du nằm đó Cũng cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia Cũng nắm mộ sè sè ngọn cỏ Trong trang Kiều tôi đọc dưới đèn khuya.</i> <i>Không phải tiết sùi sụt tháng bảy Ánh chiều hè man mác hàng dương Đỉnh Hồng Lĩnh soi dòng Lam cuộn chảy Tiếng cuốc đào lách cách giữa đồng nương.</i> <i>Tìm mộ Nguyễn Du như Kim Trọng tìm Kiều Qua nhịp cầu ai đó ghé trông theo. Giữa khoai lúa Người nằm giản dị Phảng phất hương bay trong gió chiều.</i> <i>Tiếng người hát xưa thấm đầy nước mắt Thắm vị đời cay đắng khổ đau Hai thế kỷ đi qua trong nắm đất Mấy kiếp người, mấy cuộc bể dâu.</i> <i>Đời nay đẹp gấp mấy lần thưở trước Giở trang Kiều còn rung động ý thơ. Thơ Người mãi sống cùng đất nước Dù mai sau, dù có bao giờ...</i> 08 - 1963 (Nguồn https://www.thivien.net/Theo: NXB Kim Đồng)	<i>1. Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia</i> <i>2. Sè sè nắm đất bên đường/ Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.</i> <i>3. Bể bàng mây sớm đèn khuya/ Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng</i> <i>4. Bóng tà như giục cơn buồn/ Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i> <i>5. Trải qua một cuộc bể dâu/ Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.</i> ...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi theo nhóm thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Các thành viên trong đội giờ bảng đã viết những câu thơ của Nguyễn Du được nhắc tới trong bài. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Đội nào viết được số câu thơ đúng nhiều hơn là đội chiến thắng - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài: Đố Kiều, lấy Kiều hay vịnh Kiều là những hình thức quen thuộc góp phần khẳng định vị trí của Nguyễn Du trong nền văn học và trong đời sống văn hóa của dân tộc.	
---	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Nhận biết đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam.
- Nhận biết đặc điểm của truyện thơ Nôm.
- Vận dụng những hiểu biết về đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam, đặc điểm truyện thơ Nôm vào việc tìm hiểu cuộc đời và đọc hiểu những sáng tác của Nguyễn Du.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi

c. Sản phẩm: Kết quả nhóm và phân trình bày của đại diện

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: **A(x) tranh tài (A(x) là tên lớp học)**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tri thức ngữ văn bằng cách tổ chức cho HS chơi trò chơi A(x) tranh tài: + Tất cả HS trong lớp đọc lướt Tri thức Ngữ văn tr.4,5,6 SGK Ngữ văn tập 2 KNTTVCS (5 phút), sau đó gấp SGK lại + GV chọn MC dẫn dắt và lựa chọn 2 đội chơi, mỗi đội 4 thành viên - Hai đội chơi trải qua 3 vòng thi: Vòng 1: Điền từ GV đưa hệ thống từ ngữ, HS lựa chọn điền vào chỗ trống Hệ thống từ ngữ: hai nền văn hóa lớn; “Việt hóa”; bản sắc; phương diện chính yếu; thể loại; văn hóa dân tộc	I. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam. - Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của hai nền văn hóa lớn là Trung Hoa và Ấn Độ. - Một số phương diện chính yếu của sự giao lưu và sáng tạo: tư tưởng, ngôn ngữ - văn tự, thể loại, chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,...). - Đặc điểm: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam luôn diễn ra trên nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động “Việt hóa” các yếu tố ngoại lai để phù hợp với bản sắc và tinh thần văn hóa dân tộc. 2. Truyện thơ Nôm

Ngữ liệu: (a) Trong thời trung đại, Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng giao thoa của (1)...là Trung Hoa và Ấn Độ. (b) Một số (2)...của sự giao lưu và sáng tạo: tư tưởng, ngôn ngữ - văn tự, (3)... , chất liệu thơ văn (thể tài, cốt truyện, điển cố,...). (c) Đặc điểm: giao lưu và sáng tạo trong văn học trung đại Việt Nam luôn diễn ra trên nguyên tắc lựa chọn tinh hoa, chủ động (4)...các yếu tố ngoại lai để phù hợp với (5)... và tinh thần (6)... Vòng 2: Điền bảng (Dán bảng) GV cung cấp bảng đã thiết kế sẵn và các miếng dán chứa các thông tin, HS chọn thông tin dán đúng vào các ô chứa dấu (...) Các thông tin gợi ý: (1) Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát. (2) Khuyết danh, Nho sĩ và trí thức bình dân. (3) Có tên tác giả, Nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác. (4) Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống. (5) Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật. (6) Thơ mộc, bình dị, hồn nhiên. (7) Trau chuốt, điêu luyện. (8) Từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường, đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại. (9) Phong phú, đa dạng: vua chúa, quan lại, công chúa, tiểu thư, người hầu, người lao động, Nho sĩ,.... (10) Đặc điểm của nhân vật: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...).	Khái niệm	- Là loại hình tác phẩm tự sự kết hợp phương thức tự sự và trữ tình, được viết bằng chữ Nôm, chủ yếu sử dụng thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát.		
	Phân loại		Truyện thơ Nôm bình dân	Truyện thơ Nôm bác học
		Tác giả	- Khuyết danh, Nho sĩ và trí thức bình dân.	- Có tên tác giả, Nho sĩ quý tộc có học vấn uyên bác.
		Cốt truyện	- Lấy từ văn học dân gian hoặc trong đời sống.	- Lấy từ văn học Trung Quốc hoặc mang tính tự thuật.
		Hình thức nghệ thuật	- Thơ mộc, bình dị, hồn nhiên.	- Trau chuốt, điêu luyện.
Đề tài, chủ đề	- Rộng mở, từ tôn giáo, lịch sử, xã hội đến cuộc sống đời thường, đặt ra nhiều vấn đề bức thiết của thời đại.			
Nhân vật	- Phong phú, đa dạng: vua chúa, quan lại, công chúa, tiểu thư, người hầu, người lao động, Nho sĩ,.... - Đặc điểm của nhân vật: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động...) và con người bên trong (cảm xúc, suy nghĩ, diễn biến tâm lí,...). - Nghệ thuật miêu tả nhân vật: tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, ngôn ngữ nửa trực tiếp,...			
Vị trí	- Đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. - Nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc.			

3. Biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối:

- Lập cấu trúc: là biện pháp tu từ sử dụng những

(11) Nghệ thuật miêu tả nhân vật: tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại, ngôn ngữ nửa trực tiếp,... (12) Đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. (13) Nêu cao tinh thần tự hào dân tộc, góp phần gìn giữ ngôn ngữ dân tộc. Bảng cần điền/dán: (Phụ lục 1) Vòng 3: Tìm dẫn chứng HS tìm dẫn chứng về phép lặp cấu trúc và phép đối Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Tất cả HS đọc Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu - Thực hiện tham gia trò chơi sau 5 phút chuẩn bị Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS tham gia trò chơi theo đội - HS khác quan sát, nhận xét, góp ý, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức, phát thưởng hoặc cho điểm theo thứ tự đội Nhất, Nhì và những HS tích cực trả lời	cụm từ hoặc câu có cùng kiểu cấu trúc nhằm nhấn mạnh nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng tính nhạc cho lời văn. - Đối: là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ hoặc câu sóng đôi với nhau nhằm nhấn mạnh sự tương đồng hoặc tương phản giữa các nội dung cần biểu đạt, tạo nhịp điệu và tăng vẻ đẹp cân xứng cho lời văn.
--	--

2.2. Đọc và khám phá văn bản 1- Tác gia Nguyễn Du

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những thông tin chính trong tiểu sử của Nguyễn Du.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du, từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu các văn bản: *Trao duyên*, *Độc Tiểu Thanh kí* và các văn bản trong phần *Thực hành đọc*.
- HS hiểu được những đóng góp to lớn của Nguyễn Du đối với nền văn hóa, văn học dân tộc.

b. Nội dung hoạt động: HS phỏng vấn, nhập vai, ghi hình,... tập làm phim tài liệu về tác gia Nguyễn Du

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị ở nhà và sản phẩm của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Học sinh đọc văn bản: Tác gia Nguyễn Du (thực hiện trước ở nhà) - Giáo viên hướng dẫn học	I. TIỂU SỬ 1. Bối cảnh thời đại - Sống trong bối cảnh thời đại đầy biến động dữ dội - Tác động mạnh mẽ đến nhận thức tư tưởng và tình cảm của Nguyễn Du 2. Gia đình

sinh tìm hiểu những thông tin chính về tiểu sử, sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du thông qua phim tài liệu: <i>Về Tiên Điền gặp cụ Nguyễn Du</i> (do các HS nhập vai phỏng vấn, diễn xuất, ghi hình,...) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Một HS được lựa chọn làm phóng viên. - HS cả lớp trong vai người dân Tiên Điền. - Phóng viên sẽ theo dấu Nguyễn Du bằng những cuộc phỏng vấn người dân Tiên Điền. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Phim tài liệu: <i>Về Tiên Điền gặp cụ Nguyễn Du</i> - sản phẩm của HS được trình chiếu - Tất cả các HS quan sát sản phẩm, cùng nhau trình bày cảm nhận, chia sẻ, bổ sung thêm Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, khen thưởng cho HS nhập vai xuất sắc ở các lĩnh vực và định hướng chuẩn kiến thức. - GV có thể trình chiếu cho HS xem phim tài liệu: Đại thi hào Nguyễn Du (nếu thời gian cho phép)	- Dòng họ Tiên Điền: Có 2 truyền thống là khoa bảng và văn hóa, văn học. - Gia đình: Quan lại 3. Quê hương - Quê cha: Hà Tĩnh - Quê mẹ: xứ Kinh Bắc - Nơi sinh ra và lớn lên: kinh thành Thăng Long 4. Cuộc đời - Thời thơ ấu và niên thiếu: sống trong gia đình phong kiến quý tộc bậc nhất ở kinh thành Thăng Long → có điều kiện thuận lợi để dùi mài kinh sử và hiểu rõ bản chất của hàng quan lại đương thời. - Khi Nguyễn Huệ lên ngôi, triều đình Lê Trịnh sụp đổ, gia đình li tán, Nguyễn Du rơi vào cảnh tha hương, bế tắc, nghèo túng, khó khăn. - Năm 1802 Khi triều đình Tây Sơn diệt vong, Nguyễn Ánh lập ra triều đại mới. → Nhận xét: - Cuộc đời lắm thăng trầm tạo tiền đề cho việc hình thành tài năng và bản lĩnh văn chương. - Nguyễn Du là một tài năng văn học bẩm sinh, có vốn tri thức uyên bác, vốn sống phong phú, một tâm hồn nhạy cảm, sâu sắc, một trái tim mang nặng nỗi thương đời, thương người. II. SỰ NGHIỆP SÁNG TÁC 1. Sáng tác chữ Hán a. Thanh Hiên thi tập - Hoàn cảnh sáng tác: gồm 78 bài thơ, được sáng tác trong những năm tháng bi thương nhất của cuộc đời Nguyễn Du. - Nội dung chính: + Khắc họa cuộc sống đầy bi kịch và nỗi niềm thương thân của Nguyễn Du: gia đình tan tác, anh em chia lìa, cuộc sống riêng bẽ tắc, cùng quẫn. + Thấu hiểu, đồng cảm với những bất hạnh, đau thương của con người và quê hương xứ sở. - Đặc sắc nghệ thuật: thơ chữ Hán, sử dụng nhiều điển tích, điển cố. b. Nam trung tạp ngâm - Hoàn cảnh sáng tác: gồm 40 bài thơ, sáng tác trong thời gian Nguyễn Du ra làm quan cho triều Nguyễn. - Nội dung chính: Bày tỏ nỗi chán chường, thất vọng về chốn quan trường và niềm khao khát được từ quan, về sống ẩn dật nơi quê nhà.
--	--

	- Đặc sắc nghệ thuật: Thơ chữ Hán, giọng điệu bi thiết, buồn thương, cảm hứng trữ tình và cảm hứng hiện thực đan xen. c. Bắc hành tạp lục - Hoàn cảnh sáng tác: Gồm 132 bài thơ, sáng tác trong thời gian Nguyễn Du đi sứ ở Trung Quốc. - Nội dung chính: + Cảm thương, trăn trở, day dứt trước số phận con người, đặc biệt là thân phận của những kiếp tài hoa. + Phê phán XHPK chà đạp quyền sống của con người bằng cái nhìn mang tính đối thoại và tinh thần phản biện. + Nguyễn Du cất lên những câu hỏi nhức nhối, những tiếng khóc đau thương và tiếng thét căm phẫn tích tụ, chông chất,... - Đặc sắc nghệ thuật: Thơ chữ Hán, các cặp thơ đối,... 2. Sáng tác chữ Nôm: a. Giới thiệu chung về sáng tác chữ Nôm: - Các sáng tác bằng chữ Nôm tiêu biểu: + <i>Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu:</i> Gồm 98 câu, viết theo lối văn tế, bày tỏ nỗi uất hận vì mối tình với hai cô gái phường vải khác. + <i>Thác lời trai phường nón:</i> Gồm 48 câu, được viết bằng thể lục bát. Nội dung là thay lời anh con trai phường nón làm thơ tỏ tình với cô gái phường vải. + <i>Văn chiêu hồn (Văn tế thập loại chúng sinh):</i> Gồm 184 câu, được viết bằng thể thơ song thất lục bát, thể hiện tấm lòng từ bi của tác giả với cảnh khổ của muôn vạn sinh linh. + <i>Truyện Kiều:</i> Gồm 3254 câu thơ lục bát, là truyện thơ Nôm kể lại cuộc đời 15 năm lưu lạc của Thúy Kiều. b. Truyện Kiều: * Nguồn gốc đề tài, cốt truyện và vị trí của <i>Truyện Kiều</i> - Nguồn gốc đề tài, cốt truyện: + Hình thức truyện thơ Nôm, thể thơ lục bát. + Gồm 3254 câu thơ kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc của Thúy Kiều. + Tiếp thu đề tài, cốt truyện từ “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc)→ Biểu hiện của hiện tượng giao lưu và sáng tạo văn hóa. - Vị trí: + <i>Truyện Kiều</i> là kiệt tác của văn học trung đại Việt Nam, có sức cuốn hút mãnh liệt. + Hòa nhập vào đời sống, hình thành những hình thức sinh hoạt văn hóa, văn học độc đáo của người Việt: vịnh Kiều, lấy Kiều, bói Kiều, đồ Kiều... + Là nguồn đề tài, cảm hứng lớn cho nhiều loại hình nghệ
--	--

	thuật, là đối tượng khám phá của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. * Giá trị tư tưởng: - <i>Truyện Kiều</i> chứa đựng tư tưởng nhân đạo lớn lao, sâu sắc, độc đáo: + Tôn vinh vẻ đẹp của con người, đặc biệt là người phụ nữ. + Trân trọng, đồng cảm, đồng tình với khát vọng tình yêu, khát vọng sống tự do của con người. + Tố cáo, lên án xã hội mạnh mẽ, sâu sắc. * Giá trị nghệ thuật: - Cách tổ chức cốt truyện theo mô hình chung của truyện thơ Nôm gồm 3 phần: <i>Gặp gỡ - Chia li – Đoàn tụ</i>, tuy nhiên ở mỗi phần đều có sáng tạo độc đáo. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật chân thực, sinh động với diện mạo mới, tính cách mới từ ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động... đến diễn biến nội tâm. - Ngôn ngữ: phát huy vẻ đẹp phong phú, kì diệu của tiếng Việt, sử dụng một cách sáng tạo các yếu tố ngôn ngữ vay mượn. => <i>Truyện Kiều</i> là “bằng chứng” về công lao vĩ đại của Nguyễn Du với sự phát triển ngôn ngữ dân tộc và hoàn thiện thể thơ lục bát truyền thống.
--	---

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được phương pháp đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

b. Nội dung:

- GV khái quát lại kiến thức trọng tâm của bài học, sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, chia sẻ kinh nghiệm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS ghi vào giấy nhớ một số kinh nghiệm đọc văn bản thuyết minh về một tác giả văn học Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả	V. Tổng kết Phương pháp đọc hiểu văn bản thuyết minh về tác giả văn học: 1. Đọc hiểu nội dung: - Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. - Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả; nhận biết được thái độ và quan điểm của người viết. 2. Đọc hiểu hình thức: - Nhận biết được bố cục, mạch lạc của văn bản, cách trình bày dữ liệu, thông tin của người viết và đánh giá hiệu quả

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	của chúng. - Phân tích và đánh giá được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du để viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).
- Hình thành cho học sinh kỹ năng tạo lập văn bản.
- Kiểm tra, đánh giá mức độ tiếp thu kiến thức bài học của học sinh.

b. Nội dung: Đọc kết nối viết

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) bàn về nét độc đáo trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận tìm ý, sau đó thực hành viết cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS có đoạn viết hoàn chỉnh). - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo theo Rubric đánh giá đoạn văn (Phụ lục 2) Bước 4: Đánh giá, kết luận - Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS. - Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà) - GV thu các bài viết làm hồ sơ phục vụ cho việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.	Những tác phẩm của Nguyễn Du đã thể hiện một cách sinh động chủ nghĩa nhân đạo cao cả, lòng thương yêu con người tha thiết, ca ngợi vẻ đẹp thể chất và tâm hồn con người, khát vọng giải phóng họ khỏi sự áp bức, bất công, vươn tới tự do, bình đẳng, hạnh phúc. Nguyễn Du từng đi sứ sang Trung Hoa, quê hương của Nho giáo và trên con đường thiên lý đầy hiểm nguy, trắc trở nơi xứ người, ông đã thấu triệt chân lý: ở nơi đâu thì những người dân lành, đặc biệt là người phụ nữ, người tài hoa đều có số phận đau khổ giống nhau, họ đều phải chịu biết bao sự đọa đày, bóc lột từ những kẻ có quyền lực trong một thể chế bóc lột bản chất phi nhân tính. Ông yêu thương, xót xa cho họ và viết lên những tác phẩm bất hủ có sức mạnh tố cáo mãnh liệt và cũng chứa đựng những tình cảm yêu thương mãnh liệt. Trong ông, những giáo điều mang tính sách vở đã dần tan vỡ trước thực tế khắc nghiệt; đã lớn dậy một tình yêu thương nhân loại sâu thẳm. Tình yêu thương ấy không chỉ dành cho những sinh linh đất Việt mà cho cả những con người bất hạnh khốn cùng nơi Trung Hoa bạt ngàn gió bão, cho cả nhân loại chúng sinh. Nguyễn Du là một nhà tư tưởng lớn và ở ông có nhiều nhận thức mới mẻ đi trước thời đại, đặc biệt tập trung trong những giá trị nhân văn nổi bật của các tác phẩm, trong vấn đề thay đổi nhận thức về thực trạng tư tưởng và thực trạng xã hội...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- củng cố, nâng cao kiến thức cơ bản về tiểu sử và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du.
- Phát triển năng lực riêng của tất cả các HS trong việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS hình thành các nhóm học tập: Nhóm sưu tầm: Sưu tầm những tư liệu về Nguyễn Du. Nhóm chuyên gia: Viết những bài phân tích, đánh giá về con người và văn chương Nguyễn Du. Nhóm sáng tác: Sáng tác các tác phẩm nghệ thuật về Nguyễn Du (Tranh, nhạc, thơ, truyện, kịch,...) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm năng lực. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày sản phẩm (vào tiết học sau hoặc ngoại khóa). Bước 4: Đánh giá, kết luận GV căn cứ năng lực của nhóm HS nhận xét đánh giá hoặc cho điểm để khích lệ HS phát triển.	Phòng triển lãm Hội thảo văn chương Nguyễn Du Câu lạc bộ yêu văn thơ Nguyễn Du

Phụ lục**Phụ lục 1. Truyện thơ Nôm**

Khái niệm	...		
Phân loại	Loại	Truyện thơ Nôm bình dân	Truyện thơ Nôm bác học
	Tác giả	...	...
	Cốt truyện	...	...
	Hình thức nghệ thuật	...	...
Đề tài, chủ đề	...		
Nhân vật	...		
Vị trí	...		

Phụ lục 2. Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Bàn về nét độc đáo trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du.	

	Chỉ ra nét độc đáo trong chủ nghĩa nhân đạo của Nguyễn Du.	2
	Điều tạo nên nét độc đáo là gì?	2
	Lí lẽ + dẫn chứng xác đáng, thuyết phục.	2
	Đưa ra được những đánh giá hợp lí, sâu sắc.	1
	Mở rộng, nâng cao vấn đề.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học và hoàn thiện bài tập vận dụng.
- Tìm đọc thêm các tài liệu về tác gia Nguyễn Du.
- Chuẩn bị bài: *Trao duyên* (Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 57,58,59

VĂN BẢN 2: TRAO DUYÊN

(Trích *Truyện Kiều*)

-Nguyễn Du-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-**Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Hiểu được diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân.

- Phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả diễn biến nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ văn học.

2. Phẩm chất: HS biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều; cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, phiếu học tập, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức trò chơi “Đấu trí cùng *Truyện Kiều*”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: “Đấu trí cùng <i>Truyện Kiều</i>” - GV chọn MC dẫn chương trình - GV trình chiếu những bức tranh minh họa có liên quan đến tác phẩm Yêu cầu: + HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Những bức tranh gợi em nghĩ đến ai, cảnh nào trong <i>Truyện Kiều</i>? Sắp xếp những bức tranh theo thứ tự Từ gợi ý của những bức tranh trên, hãy kể lại câu chuyện về Kiều bằng lời thơ của Nguyễn Du mà em nhớ + HS tham gia chơi dùng bút dạ viết trên giấy A4 Sau Vòng 1 (Câu 1), HS trả lời đúng vào vòng 2 tiếp tục chơi HS trả lời sai bị loại Sau Vòng 2 (Câu 2), HS trả lời đúng vào vòng 3 tiếp tục	1. Những bức tranh mô tả một số cảnh trong <i>Truyện Kiều</i>: - Cảnh Thúy Kiều nhờ cậy Thúc Vân thay mình nối duyên cùng Kim Trọng - Cảnh Kim – Kiều đính ước - Cảnh Kim - Kiều lần đầu gặp gỡ - Cảnh ngày xuân 2. Thứ tự tranh xếp theo mạch <i>Truyện Kiều</i>: - Cảnh ngày xuân - Cảnh Kim - Kiều lần đầu gặp gỡ - Cảnh Kim – Kiều đính ước - Cảnh Thúy Kiều nhờ cậy Thúc Vân thay mình nối duyên cùng Kim Trọng

chơi đến hết câu hỏi HS trả lời sai bị loại + HS trả lời được nhiều câu đúng nhất là HS chiến thắng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát tranh thực hiện nhiệm vụ - GV và những HS còn lại quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động - Các thành viên trong đội giờ kết quả theo từng vòng chơi (câu hỏi) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả trò chơi và trao thưởng	3. Câu chuyện về Kiều qua các câu thơ được gọi lên: - Ngày xuân con én đưa thoi/ Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi,... - Người quốc sắc kẻ thiên tài/ Tình trong như đã mặt ngoài còn e - Tóc tơ cân vắn tác lòng,/Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương - Cậy em em có chịu lời/ Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa ...
---	---

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung văn bản

- a. Mục tiêu:** Giúp HS đọc diễn cảm và tìm hiểu chung về văn bản *Trao duyên*: vị trí, ý nghĩa nhan đề, bố cục
- b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kỹ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Phiếu học tập: Tìm hiểu chung văn bản “Trao duyên”
(Chuẩn bị trước tiết học)

Nội dung tìm hiểu	Văn bản <i>Trao duyên</i>
1. Thể loại	
2. Vị trí đoạn trích	
3. Bố cục	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. GV hướng dẫn cách đọc văn bản: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản: Đọc diễn cảm theo nội dung cảm xúc, chú ý sự chuyển đổi từ lời đối thoại sang đan xen giữa đối thoại và độc thoại. - Gọi 1 – 2 HS đọc. Lưu ý HS đọc đúng nhịp thơ và đọc diễn cảm. - GV kiểm tra kỹ năng đọc của HS qua việc trả lời nhanh các câu hỏi trong các box ở lề phải của văn bản. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích	I. Đọc và tìm hiểu chung văn bản 1. Đọc văn bản Giọng đau buồn, thống thiết, bi thương 2. Tìm hiểu chung văn bản <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Nội dung tìm hiểu</th><th>Văn bản <i>Trao duyên</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Thể loại</td><td>Truyện thơ</td></tr> <tr> <td>2. Vị trí đoạn trích</td><td>Từ câu 711 đến câu 758</td></tr> <tr> <td>3. Bố cục</td><td>- Phần 1: (từ câu 711 đến câu 734): Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung tìm hiểu	Văn bản <i>Trao duyên</i>	1. Thể loại	Truyện thơ	2. Vị trí đoạn trích	Từ câu 711 đến câu 758	3. Bố cục	- Phần 1: (từ câu 711 đến câu 734): Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy
Nội dung tìm hiểu	Văn bản <i>Trao duyên</i>								
1. Thể loại	Truyện thơ								
2. Vị trí đoạn trích	Từ câu 711 đến câu 758								
3. Bố cục	- Phần 1: (từ câu 711 đến câu 734): Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy								

SGK, giải thích các từ khó hiểu. 2. Tìm hiểu chung văn bản: Yêu cầu: HS thảo luận cặp đôi trong thời gian tối đa 02 phút về Phiếu học tập đã chuẩn bị trước ở nhà Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc văn bản - HS thảo luận cặp đôi để trao đổi, hoàn thiện về PHT. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các cặp khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức chung về văn bản.	Vân. - Phần 2: (từ câu 735 đến câu 748): Thúy Kiều trao kỉ vật cho Thúy Vân. - Phần 3: (từ câu 749 đến câu 758): Thúy Kiều than thở cùng Kim Trọng.
---	---

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều khi trao duyên cho Thúy Vân.
- HS phân tích được nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc miêu tả diễn biến nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật và sử dụng ngôn ngữ văn học.
- HS biết đồng cảm với tình yêu tha thiết, mãnh liệt và nỗi đau khổ sâu sắc của Thúy Kiều; cảm nhận được tấm lòng yêu thương, thấu hiểu sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho con người, đặc biệt là người phụ nữ.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS khám phá văn bản dưới dạng chương trình “Trao đổi và đối thoại”

c. Sản phẩm: Kết quả chuẩn bị của nhóm

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Bước 1: GV chia lớp hành 3 nhóm trao đổi 8 phút: Nhóm 1: Trao duyên - nhìn từ phương thức biểu đạt Định hướng trao đổi, thảo luận: - Hình dung bối cảnh của cuộc trao duyên và sự sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng cốt truyện - Từ bố cục của đoạn trích, chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời đối thoại, lời độc thoại của các nhân vật.	II. Khám phá văn bản 1. Trao duyên là sự kết hòa phương thức tự sự và phương thức trữ tình * Bối cảnh trao duyên và sự sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng cốt truyện. - Bối cảnh trao duyên: Sau khi quyết định “bán mình chuộc cha, hy sinh chữ “tình” cho chữ “hiếu” nàng Kiều vẫn day dứt khôn nguôi. Nàng đau đớn không chỉ vì tình yêu dang dở mà còn vì mặc cảm nàng là người có lỗi với chàng Kim. Giữa lúc Kiều đang thổn thức vui đầy, Thuý Vân “chợt tỉnh giấc xuân: và “ghé đến ân cần, hỏi han” chị. Khoảnh khắc ấy khiến Thuý Kiều quyết định thuyết phục em nói với chàng Kim, nhờ em thay mình trả nghĩa cho chàng. - Sự sáng tạo của Nguyễn Du khi xây dựng cốt truyện:

- Thúy Kiều nảy sinh ý định trao duyên cho Thúy Vân trong thời điểm nào?

Nhóm 2: Trao duyên - nhìn từ nhân vật

Định hướng trao đổi, thảo luận:

- Đọc đoạn thơ (từ câu 719 đến 748) và trả lời các câu hỏi sau:

+ Lời nhờ cậy Thúy Vân được Thúy Kiều bày tỏ với thái độ như thế nào? Tìm hiểu giá trị của những từ ngữ được dùng để thể hiện thái độ đó.

+ Thúy Kiều đã đưa ra những lí lẽ gì để thuyết phục Thúy Vân nhận lời trao duyên?

+ Khi trao kỉ vật cho Thúy Vân, Thúy Kiều đã dặn dò những gì? Lời dặn dò ấy có nhất quán với lời nàng nhờ cậy và thuyết phục Thúy Vân trước đó hay không? Chỉ ra những từ ngữ, chi tiết thể hiện sự nhất quán hoặc không nhất quán ấy.

+ Nêu diễn biến tâm lí của Thúy Kiều khi nói lời trao duyên và khi trao kỉ vật cho Thúy Vân. Hãy phân tích, lí giải diễn biến tâm lí đó.

- Phân tích diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều trong mười dòng thơ cuối (chú ý sự thay đổi đối tượng tâm tình và giọng điệu).

Nhóm 3: Trao duyên - nhìn từ ngôn ngữ

Định hướng trao đổi, thảo luận:

- Nhận xét về nghệ thuật sử dụng từ ngữ của Nguyễn Du trong đoạn trích. Hãy minh họa bằng một ví dụ mà bạn thấy tâm đắc.

- Bước 2:

+ GV chọn MC dẫn chương

+ Trong *Kim Vân Kiều truyện*, Thanh Tâm Tài Nhân để Thúy Kiều trao duyên cho Thúy Vân ở Hồi thứ tư, ngay sau khi Vương ông, Vương Quan bị đám công sai đưa trở lại nhà giam đợi tiền chuộc mới tha và Vương bà cũng phải theo sang để “biết đường mà đưa cơm”.

+ Trong *Truyện Kiều*, sự kiện Thúy Kiều trao duyên cho Thúy Vân được miêu tả vào đêm cuối cùng trước khi Thúy Kiều phải theo Mã Giám Sinh, sau khi đã chuộc cha và em về nhà, lo chu toàn mọi việc.

=> Như vậy, Nguyễn Du đã dành cho sự kiện trao duyên một bối cảnh riêng tư, khi “Việc nhà đã tạm thông dong”, Thúy Kiều một mình thao thức với nỗi niềm riêng. **So với cốt truyện ban đầu, tác giả *Truyện Kiều* đã có sự sáng tạo mới mẻ trong việc sắp xếp chi tiết, tổ chức cốt truyện.**

*** Mạch tự sự:**

- Thúy Kiều nói lời trao duyên và thuyết phục Thúy Vân -> Thúy Kiều trao kỉ vật cho Thúy Vân -> Thúy Kiều than thở cùng Kim Trọng.

=> **Mạch tự sự đi theo diễn biến tâm trạng nhân vật trữ tình.**

*** Đặc điểm của người kể chuyện:**

- Ngôi thứ 3, đặt điểm nhìn vào chính nhân vật Thúy Kiều để thấu hiểu trọn vẹn nỗi lòng nhân vật.

- Lời người kể chuyện và lời nhân vật:

+ Lời người kể chuyện (từ câu 711 đến câu 714, 757, 758);

+ Lời nhân vật (lời đối thoại: từ câu 715 đến câu 748 và lời độc thoại: từ câu 749 đến câu 756).

+ Có lúc tác giả sử dụng hình thức ngôn ngữ nửa trực tiếp, đó là khi ông hoá thân vào nhân vật để giải bày cảm xúc, tâm trạng.

2. Trao duyên thể hiện trong nghệ thuật xây dựng nhân vật Kiều

*** Từ ngữ trao duyên:**

“Cậy, lạy, thưa” là những từ mà người ở vai dưới nói chuyện với người vai trên, ở đây thể hiện sự tôn trọng đặc biệt của Kiều dành cho người em gái mà mình nhờ vả. Dù mình ở vai trên nhưng Kiều không dùng sự ra lệnh đối với em. Tuy trong lòng cô nhiều suy nghĩ, trăn trở nhưng vẫn bình tĩnh xử lí, sắp xếp, thu vén chuyện của mình.

*** Lí lẽ trao duyên:**

- Lời Thúy Kiều kể lại câu chuyện tình yêu của mình với Kim Trọng rất ngắn gọn mà vẫn bao quát được các chi tiết

trình dựa trên hệ thống câu hỏi của các nhóm ở bước 1 tổ chức chương trình: **Trao duyên - Trao đổi và đối thoại**

+ Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia chương trình (vai khách mời).

+ HS khác trong vai khán giả, đặt câu hỏi phản biện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi nhóm.

- Cử đại diện chuẩn bị tham gia chương trình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện lên tham gia chương trình theo sự dẫn dắt của MC.

- GV theo dõi, điều hành, hỗ trợ HS.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt các vấn đề:

- Yếu tố tự sự đan lồng trong yếu tố trữ tình.

- Vẻ đẹp nhân vật truyện thơ.

- Vẻ đẹp ngôn ngữ truyện thơ.

quan trọng (gặp gỡ, đính ước, thề nguyện) và cảnh ngộ “Hiếu tình khó lẽ hai bề vẹn hai” – đủ để Thuý Vân hiểu tình cảm sâu nặng, thiêng liêng giữa hai người; hiểu vì sao nàng phải cậy nhờ em thay mình trả nghĩa cho Kim Trọng.

- Với các lí lẽ khác, Thuý Vân hoàn toàn có thể chối từ, bởi lẽ dẫu Kim Trọng hào hoa phong nhã, dẫu Thuý Kiều lo lắng cho chàng nhưng với Thuý Vân, chàng chỉ là một người xa lạ. Vì vậy, Thuý Kiều đã thuyết phục em bằng tình ruột thịt sâu nặng: “Xót tình máu mủ thay lời nước non”; xin em giúp nàng cất được cái gánh nặng đau đớn của món nợ tình yêu: “Chị dù thịt nát xương mòn,/ Ngậm cười chín tuổi hãy còn thơm lây”. Làm sao Thuý Vân có thể chối từ lời cầu khẩn tha thiết ấy khi Thuý Kiều đã hi sinh bản thân để cứu cả gia đình: “Một nhà để chị riêng oan một mình”.

*** Lời dặn trao kỉ vật:**

“Duyên này thì giữ vật này của chung”. Lời lẽ thiếu chặt chẽ, thậm chí mâu thuẫn với những gì Kiều nói với em khi bày tỏ ước nguyện trao duyên. Trao duyên cho Thuý Vân mà nàng vẫn muốn kỉ vật là “của chung” – như muốn giữ cả phần mình trong đó. Trao "duyên" xong, nhưng lòng Kiều càng nặng trĩu, đầy những giằng xé, những níu kéo, tiếc nuối vô cùng. Lý trí bắt nàng từ bỏ tình yêu với chàng Kim Trọng yêu thương, nhưng trái tim và tình cảm của Kiều lại không cho phép nàng làm vậy.

*** Tâm trạng trao duyên:**

Tâm trạng của Thuý Kiều trong đoạn trích “Trao duyên” diễn biến qua ba chặng như ba nấc thang tâm lí:

- Lời trao duyên và lời thuyết phục Thuý Vân: từ ngữ chọn lọc, hàm súc, cách nói tinh tế, chặt chẽ, cho thấy Kiều rất *bình tĩnh, sáng suốt*.

- Lời dặn dò khi trao kỉ vật cho Thuý Vân: lời lẽ, ý tứ *thiếu chặt chẽ, thậm chí mâu thuẫn*.

- Tâm lí của nhân vật đã biến đổi *từ trạng thái tĩnh táo, sáng suốt chuyển thành lúng túng, bối rối, thậm chí có lúc rơi vào ảo giác*. Sự đổi thay bắt đầu từ khoảnh khắc Thuý Kiều trao cho Thuý Vân kỉ vật: chiếc vành, bức tờ mây, phím đàn, mảnh hương nguyên,... Mỗi kỉ vật xuất hiện là thêm một lần sống dậy, kỉ niệm đánh thức tình yêu, khiến trái tim lên tiếng, lấn át cả lí trí.

*** Độc thoại nội tâm:**

- Từ lời đối thoại với Thuý Vân, Thuý Kiều chuyển sang lời độc thoại:

+ Trở về thực tại chia li, đổ vỡ và nỗi đau khổ không gì có

	thể an ủi, bù đắp được. + Tạ lỗi cùng Kim Trọng, tiễn biệt mối tình vàng đá; ý thức về số phận bất hạnh. + Day dứt, đau đớn vì lời thề dang dở, chính mình trở thành người phụ bạc,... - Khi nhờ cậy và thuyết phục Thuý Vân nhận lời trao duyên, Thuý Kiều đã mong muốn chu toàn cả bên tình, bên hiếu. Nàng hi vọng có thể vui bớt được những day dứt, khắc khoải, đau đớn của mối tình dang dở khi nhờ em “thay lời nước non”. Nhưng kết thúc cuộc trao duyên, tình yêu và nỗi đau vẫn vẹn nguyên, thậm chí còn trào dâng mãnh liệt hơn. 3. Trao duyên thể hiện trong cách sử dụng ngôn ngữ độc đáo - Đoạn trích có sự kết hợp, đan xen của nhiều hình thức ngôn ngữ: lời kể chuyện, lời nhân vật (lời đối thoại, độc thoại nội tâm), lời nửa trực tiếp. Tác giả đã sử dụng các hình thức ngôn ngữ đó một cách linh hoạt để khám phá, tái hiện thế giới nội tâm. - Nguyễn Du đã kết hợp tinh hoa của hai dòng ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân. Từ Hán Việt được Việt hóa, kết hợp từ thuần Việt một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo. Ví dụ, “Giữa đường đứt gánh tương tư/ Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em”, nhà thơ đã sử dụng nhiều thành ngữ (rẽ cửa chia nhà, bạc như vôi, nước chảy hoa trôi,...), nhiều từ ngữ của đời thường bình dị hòa vào lời thơ một cách tự nhiên, linh hoạt. Nguyễn Du đã dày công tìm kiếm, chọn lọc, trau chuốt để sáng tạo nên một thứ tiếng Việt đẹp đẽ, giàu có, uyển chuyển.
--	---

2.3.Hướng dẫn HS tổng kết

a. Mục tiêu: HS nắm được sự khác biệt trong phương pháp đọc hiểu truyện thơ trung đại và truyện thơ dân gian

b. Nội dung: HS thảo luận theo cặp

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Từ trải nghiệm đọc, hãy chỉ ra sự khác biệt trong phương pháp đọc hiểu truyện thơ trung đại và truyện thơ dân gian. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động thảo luận theo cặp. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).	III. Tổng kết Sự khác biệt trong phương pháp đọc hiểu truyện thơ trung đại so với truyện thơ dân gian: - Cần nhận diện được những sáng tạo riêng của cá nhân khi xây dựng cốt truyện - Nhân vật truyện thơ trung đại có chiều sâu tâm lí vì tác giả thường đi sâu khai thác thế giới

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp phát biểu. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả, chuẩn hóa kiến thức.	nội tâm nhân vật và rất sắc sảo khi phân tích tâm lí nhân vật - Ngôn ngữ kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi: “Ai nhanh hơn?”

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV củng cố kiến thức bài học cho HS qua một số câu hỏi Trắc nghiệm khách quan thông qua trò chơi: “Ai nhanh hơn?”

Câu 1: Việc trao duyên của Thúy Kiều cho Thúy Vân diễn ra khi nào?

A. Trước khi Kiều thu xếp việc bán mình.

B. Sau khi Kiều đã thu xếp việc bán mình.

C. Trước khi Kiều từ biệt gia đình theo Mã Giám Sinh.

D. Khi nghe được tin gia đình gặp biến cố.

Câu 2: Chọn từ *cậy* (không dùng từ *nhờ*) trong câu: *Cậy em em có chịu lời*, Nguyễn Du đã nói được một điều tinh tế trong đoạn mở lời “trao duyên” của Thúy Kiều, vì?

A. *Cậy* đồng nghĩa với *nhờ* nhưng có sắc thái nài ép.

B. *Cậy* có hàm ý *nhờ* và với tất cả sự tin tưởng, tôn trọng, biết ơn.

C. *Cậy* có nghĩa là “tin cậy”, thể hiện một lòng tin tuyệt đối.

D. *Cậy* có tác dụng nhấn mạnh hơn *nhờ*.

Câu 3: Chọn từ *thưa* (không dùng từ *nói*) trong câu *Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa*, Nguyễn Du đã nói được một điều tinh tế trong đoạn mở lời “trao duyên” của Thúy Kiều, vì?

A. *Thưa* hàm ý nói năng với tất cả sự cung kính, tôn trọng, biết ơn.

B. *Thưa* đồng nghĩa với *nói* nhưng có sắc thái lễ độ, từ tốn hơn

C. *Thưa* có nghĩa là “thưa thốt”, thể hiện một thái độ khiêm tốn, nhún nhường, lễ phép.

D. *Thưa* có tác dụng nhấn mạnh tầm quan trọng của câu chuyện hơn nói.

Câu 4: Vấn đề chủ yếu trong đoạn trích *Trao duyên* của SGK là gì?

A. Thân phận người phụ nữ.

B. Bi kịch về thân phận và tình yêu của Kiều.

C. Phẩm cách cao đẹp của Kiều.

D. Môi tình bất đắc dĩ của Vân – Trọng.

Câu 5: Câu thơ *Keo loan chấp môi tơ thừa mặc em* diễn tả tâm trạng gì của Thúy Kiều khi trao duyên cho em?

A. Kiều xót xa khi môi duyên nàng trao cho em không trọn vẹn.

B. Nàng hiểu và cảm thông cho hoàn cảnh của Thúy Vân nên không muốn ép uổng em.

C. Kiều cay đắng khi nghĩ đến việc phải trao tình yêu đầu trong sáng và sâu sắc cho em.

D. Kiều lo lắng cho tương lai của em và Kim Trọng sau buổi trao duyên này.

Câu 6: *Của chung* trong câu: *Duyên này thì giữ vật này của chung* chỉ những ai?

GV: Nguyễn Thị Nên

- A. Thúy Kiều – Kim Trọng
- B. Thúy Vân – Kim Trọng
- C. Thúy Kiều – Thúy Vân

D. Vân – Trọng – Kiều

Câu 7: Cặp câu: *Chiếc vành với bức tờ mây/ Duyên này thì giữ vật này của chung* có thể giải nghĩa như thế nào?

- A. Thực ra Kiều không trao duyên mà chỉ trao kỉ vật cho Thúy Vân giữ hộ.
- B. Kiều không đành lòng lìa bỏ những kỉ vật tình yêu giữa nàng và Kim Trọng.
- C. Từ sâu thẳm trong lòng, Kiều chưa nỡ trao hẳn cả tình yêu và kỉ vật cho Thúy Vân, hình như chỉ muốn nhờ Vân giữ hộ.**
- D. Kiều chỉ trao duyên cho Vân, nhờ Vân định liệu, còn các kỉ vật thì nàng xin giữ lại.

Câu 8: Hành động “trao duyên” trong đoạn trích *Trao duyên* của Nguyễn Du thể hiện rõ nhất phẩm chất nào ở nhân vật Thúy Kiều?

- A. Tấm lòng hiếu thảo
- B. Sự sâu sắc
- C. Lòng vị tha**
- D. Sự bao dung

Câu 9: Hình ảnh ẩn dụ *trâm gãy hương tan* có ngụ ý gì?

- A. Gọi nhắc cảnh tượng đồ vỡ kinh hoàng khi bọn sai nha ập vào nhà Kiều để bắt người, cướp của.
- B. Tiếc nuối những kỉ vật tình yêu Kim – Kiều giờ không còn nguyên vẹn nữa.
- C. Tiếc nuối, cảm thương cho tình duyên không nguyên vẹn của Thúy Vân khi thay Kiều lấy Kim Trọng.
- D. Diễn tả tình trạng tình yêu tan vỡ không còn gì cứu vãn được của Thúy Kiều và Kim Trọng.**

Câu 10: Đoạn trích *Trao duyên* thể hiện tài năng nghệ thuật xuất sắc của Nguyễn Du ở đâu?

- A. Việc tạo tình huống.
- B. Việc vận dụng các thành ngữ.
- C. Việc miêu tả nội tâm nhân vật.**
- D. Việc xây dựng đối thoại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- + HS mở điện thoại thông minh, trên nền tảng Google vào phần mềm Quizizz.
- + Học sinh thảo luận cặp đôi và thực hiện trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm củng cố nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- + HS thực hiện trả lời 10 câu hỏi trên điện thoại thông minh theo cặp đôi trong thời gian 3 phút.
- + GV quan sát, theo dõi.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV công bố cặp đôi thắng cuộc, trả lời đúng và nhanh nhất.
- GV trao thưởng cho cặp đôi thắng cuộc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực riêng của tất cả các HS trong việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS sử dụng <i>Trao duyên</i> làm đề tài, sáng tạo những sản phẩm âm nhạc, hội họa, vũ đạo, kịch, văn học nghệ thuật,... theo năng lực cá nhân Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo năng lực Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày sản phẩm (vào tiết học sau hoặc ngoại khóa) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV căn cứ năng lực của HS nhận xét đánh giá hoặc cho điểm để khích lệ HS phát triển.	Bảng kiểm đánh giá sản phẩm sáng tạo của HS		
	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
	Đảm bảo đề tài <i>Trao duyên</i>		
	Sản phẩm sinh động, hấp dẫn, đảm bảo đúng loại hình		
	Có phần thuyết trình đi kèm làm sáng tỏ ý tưởng		
	Sản phẩm chứa đựng ý nghĩa nhân văn sâu sắc		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Nhiệm vụ 1: Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Nhiệm vụ 2: Kết nối đọc – viết và chuyển lên Driver:

Truyện Kiều là tiếng nói hiểu đời, thương đời của Nguyễn Du. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) chỉ ra biểu hiện của sự “hiểu” và “thương” ấy trong đoạn trích *Trao duyên*.

- Tìm đọc thêm các tài liệu về truyện thơ Nôm trung đại.

- Chuẩn bị bài: *Độc Tiểu Thanh kí* (*Độc truyện về nàng Tiểu Thanh* - Nguyễn Du)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....
.....
.....
.....

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 60,61

VĂN BẢN 3: ĐỘC TIỂU THANH KÍ

(*Độc truyện về nàng Tiểu Thanh*)

Nguyễn Du

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **Độc, giúp HS:**

- Trên cơ sở những hiểu biết chung về tác giả và sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Du, vận dụng kinh nghiệm đọc hiểu bài *Độc Tiểu Thanh kí* để thực hành đọc hiểu một số bài thơ chữ Hán của ông.

- Nhận diện các biểu hiện, phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ đối trong thơ Đường luật, đặc biệt nhấn mạnh phương diện đối về ý.

- Lí giải và cảm nhận về tinh thần nhân đạo của tác giả thông qua các sáng tác thơ ca chữ Hán.

2. Phẩm chất: HS biết đồng cảm với những kiếp người tài hoa bạc mệnh trong xã hội; biết yêu thương, trân trọng những giá trị tinh thần cao đẹp và những con người làm nên giá trị tinh thần ấy.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, phiếu học tập, các dụng cụ khác: bút màu, bút lông, bảng phụ, giấy A0, A4...

2. Học liệu: Bài giảng điện tử, sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, hình ảnh, phiếu học tập, bảng kiểm,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

b. Nội dung hoạt động: Tổ chức trò chơi “Giải ô chữ”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Đi tìm nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Du

1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																																																																																																																																							
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: “Giải ô chữ” - GV chọn thư ký ghi điểm, MC dẫn chương trình cuộc chơi “Giải ô chữ” bằng cách “Đi tìm nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Du” - GV kết hợp cùng MC trình chiếu những câu hỏi để HS trả lời: Ô chữ hàng ngang (trả lời đúng mỗi ô được 10 điểm): 1. <i>Đàn bà dễ có mấy tay, Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan</i> 2. <i>Quá niên trạc ngoại tứ tuần Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao</i> 3. <i>Sống làm vợ khắp người ta Hại thay thác xuống làm ma không chồng</i> 4. ... <i>quen thói bốc rời Trăm nghìn đổ một trận cười như chơi</i> 5. <i>Đường đường một đấng anh hào, Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.</i> 6. <i>Nghe càng đắm, ngắm càng say Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình</i> 7. <i>Tường đông lay động bóng cảnh Rẽ song, đã thấy ... lên vào</i> 8. <i>Hài văn lẫn bước dặm xanh, Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.</i> 9. <i>Một, hai nghiêng nước nghiêng thành, Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.</i> Ô chữ hàng dọc: (gồm 9 chữ cái, nếu HS đoán được ngay từ những giây đầu chưa giải hàng ngang được 30 điểm, đoán sau khi đã giải gần xong được 10 điểm) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ qua trò chơi. - Quyền trả lời được quyết định bằng bấm chuông (hoặc gõ tay). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Câu trả lời của HS. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét các câu trả lời, công bố kết quả	Đi tìm nhân vật trong sáng tác của Nguyễn Du <table><tr><td>1</td><td></td><td></td><td>H</td><td>O</td><td>A</td><td>N</td><td>T</td><td>H</td><td>U</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td><td>M</td><td>A</td><td>G</td><td>I</td><td>A</td><td>M</td><td>S</td><td>I</td><td>N</td><td>H</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td><td>Đ</td><td>A</td><td>M</td><td>T</td><td>I</td><td>Ê</td><td>N</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>T</td><td>H</td><td>U</td><td>C</td><td>S</td><td>I</td><td>N</td><td>H</td><td></td><td></td></tr><tr><td>5</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>T</td><td>U</td><td>H</td><td>A</td><td>I</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>H</td><td>Ô</td><td>T</td><td>Ô</td><td>N</td><td>H</td><td>I</td><td>Ê</td></tr><tr><td>7</td><td></td><td></td><td>S</td><td>Ơ</td><td>K</td><td>H</td><td>A</td><td>N</td><td>H</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>8</td><td>K</td><td>I</td><td>M</td><td>T</td><td>R</td><td>O</td><td>N</td><td>G</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>9</td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td>T</td><td>H</td><td>U</td><td>Y</td><td>K</td><td>I</td><td>E</td><td>U</td><td></td></tr></table>	1			H	O	A	N	T	H	U						2				M	A	G	I	A	M	S	I	N	H		3			Đ	A	M	T	I	Ê	N						4					T	H	U	C	S	I	N	H			5							T	U	H	A	I				6							H	Ô	T	Ô	N	H	I	Ê	7			S	Ơ	K	H	A	N	H						8	K	I	M	T	R	O	N	G							9						T	H	U	Y	K	I	E	U	
1			H	O	A	N	T	H	U																																																																																																																															
2				M	A	G	I	A	M	S	I	N	H																																																																																																																											
3			Đ	A	M	T	I	Ê	N																																																																																																																															
4					T	H	U	C	S	I	N	H																																																																																																																												
5							T	U	H	A	I																																																																																																																													
6							H	Ô	T	Ô	N	H	I	Ê																																																																																																																										
7			S	Ơ	K	H	A	N	H																																																																																																																															
8	K	I	M	T	R	O	N	G																																																																																																																																
9						T	H	U	Y	K	I	E	U																																																																																																																											

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS đọc diễn cảm và tìm hiểu chung về văn bản: Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác, Đối tượng trữ tình, Nhân vật trữ tình, Cảm hứng chủ đạo, Thể thơ và bố cục, So sánh nguyên tác với bản dịch

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Phiếu học tập: Tìm hiểu chung văn bản “Độc Tiểu Thanh kí”

(Chuẩn bị trước tiết học)

Nội dung tìm hiểu	Văn bản <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>
1. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác	
2. Đối tượng trữ tình	
3. Nhân vật trữ tình	
4. Cảm hứng chủ đạo	
5. Thể thơ và bố cục	
6. So sánh nguyên tác với bản dịch	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc văn bản: Gv yêu cầu học sinh đọc tác phẩm (Phiên âm, dịch nghĩa và hai bản dịch thơ). 2. Tìm hiểu chung văn bản: Yêu cầu: HS thảo luận cặp đôi trong thời gian tối đa 03 phút về Phiếu học tập đã chuẩn bị trước ở nhà. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - GV gọi 1 HS đọc diễn cảm phần phiên âm; 2 HS đọc dịch	I. Đọc và tìm hiểu chung văn bản 1. Đọc văn bản Giọng đau buồn, thống thiết, bi thương. 2. Tìm hiểu chung văn bản a. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác - Bài thơ nằm trong tập “Thanh Hiên thi tập” là cảm hứng của Nguyễn Du nhân đọc “Tiểu Thanh kí”- một tập kí viết về nàng Tiểu Thanh hoặc tập thơ của nàng (Theo Trương Chính). - Bài thơ nằm trong tập “Bắc hành tạp lục”, sáng tác khi Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc đến viếng mộ Tiểu Thanh (Theo Đào Duy Anh). b. Đối tượng trữ tình - Tiểu Thanh: Là một người con gái có tài, sắc sống đầu đời Minh (Trung Quốc), làm lẽ, bị vợ cả ghen, bắt ở một ngôi nhà trên núi. Vì đau buồn, cô sinh bệnh rồi chết ở tuổi 18. - Tâm trạng uất ức của nàng được gửi gắm vào những bài thơ do nàng sáng tác nhưng đã bị vợ cả đốt. Những bài thơ còn sót lại được người đời tập hợp lại gọi là <i>Phản dư tập</i>. c. Nhân vật trữ tình: Chủ thể trữ tình - tác giả bài thơ đọc tập kí kể về cuộc đời Tiểu Thanh ở bên cửa sổ. Từ đó, cảm nghĩ về cuộc đời, số phận nàng Tiểu Thanh, về “nỗi hờn kim cổ” và nghĩ về mình 300

thơ; 1 HS đọc chậm từng câu phần dịch nghĩa, đến câu nào có chú thích, kết hợp đọc chú thích câu ấy để cả lớp nắm rõ nghĩa.

- HS thảo luận cặp đôi để trao đổi, hoàn thiện về PHT.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện một số cặp đôi phát biểu.

- Các cặp khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức chung về văn bản.

năm sau.

d. Cảm hứng chủ đạo: Thương xót cho số phận bất hạnh của những người phụ nữ tài sắc; Sự đau đớn, xót xa, tiếc nuối khi phải chứng kiến những giá trị tinh thần cao đẹp của con người bị vùi dập.

e. Thể thơ và bố cục

- **Thể thơ:** Thất ngôn bát cú Đường luật.

- **Bố cục:** 4 phần

+ 2 câu đề: Sự thay đổi của cảnh Tây Hồ và tâm trạng của tác giả

+ 2 câu thực: Nỗi oan trái của cuộc đời Tiểu Thanh

+ 2 câu luận: Cảm nghĩ của nhà thơ về những kiếp người tài hoa bạc mệnh

+ 2 câu kết: Tâm trạng băn khoăn, khao khát sự đồng cảm từ hậu thế của tác giả

f. So sánh nguyên tác với bản dịch.

Nguyên tác	Bản dịch thơ 1
Câu 1: nguyên tác chữ “ <i>tận</i> ”: hết, hết thảy: sự biến đổi triệt để của cảnh vật, không còn dấu vết cảnh xưa.	<i>hoá</i> : mức độ thay đổi cảnh vật nhẹ hơn, chưa lột tả được sự thay đổi triệt để của cảnh vật.
Câu 2:- “Độc” + Đơn độc, một mình. + Duy, chỉ. => Độc điệu: một mình viếng thương: sự cô đơn của tác giả - Nhất chỉ thư: một tờ giấy, một trang sách	- <i>Thôn thức</i> : từ láy thể hiện tiếng khóc nức, không thấy được sự cô đơn vừa đọc vừa khóc một mình của tác giả. - <i>Mảnh giấy tàn</i> : Biểu cảm lộ ý
Câu 4: <i>Lụy phần dư</i> : Không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.	- Đốt còn vương: chưa rõ ý.
Câu 5: <i>hận</i>	Bản dịch chuyển thành “ <i>hờn</i> ” sắc thái nhẹ hơn.
Câu 6: “ <i>ngã</i> ”: ta	Bản dịch chuyển thành “ <i>khách</i> ” – chưa thấy rõ sự đồng cảm, cùng hội cùng thuyền của chính nhà thơ với những kiếp tài hoa, bạc mệnh.
Nguyên tác	Bản dịch thơ 2
Câu 1	Mất đi chữ “ <i>tận</i> ”: sự thay đổi triệt để của cảnh vật.
Câu 2	Mất đi sắc thái của chữ “ <i>độc</i> ” đồng thời bỏ qua “ <i>nhất chỉ thư</i> ”.

	Câu 5	“hận” trong nguyên tác chuyển thành “oan” chưa bộc lộ rõ thái độ của tác giả.
	Câu 6	“Ngã”: ta, bản dịch bỏ qua - chưa thấy rõ sự đồng cảm, cùng hội cùng thuyền của chính nhà thơ với những kiếp tài hoa, bạc mệnh.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận diện các biểu hiện, phân tích được giá trị của các biện pháp tu từ đối trong thơ Đường luật, đặc biệt nhấn mạnh phương diện đối về ý.
- Lí giải và cảm nhận về tinh thần nhân đạo của tác giả thông qua sáng tác thơ ca chữ Hán.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hoạt động cá nhân và làm việc nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Cấu tứ bài thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hỏi: Xác định cấu tứ của bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi (2 phút) - GV khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS trình bày - HS khác góp ý, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt kiến thức 2. Cách triển khai mạch ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách triển khai mạch ý trong bài thơ qua: Hành trình văn học (với 4 trạm dừng chân) - Bước 1: Các nhóm trao đổi thảo luận theo định hướng. Trạm 1 - Nhóm 1: Chuyển văn du thực tại (2 câu đề)	II. Khám phá văn bản 1. Cấu tứ bài thơ - Bài thơ là sự đồng hiện của quá khứ và thực tại trong xúc cảm nội tâm của nhà thơ: Từ hiện thực hoang tàn Tây Hồ - nơi Tiểu Thanh từng sống, nhà thơ trở về quá khứ cảm thương cho số phận bi thương đời nàng. Từ đó ông nhận ra mình cùng hội cùng thuyền với những người tài hoa, bạc mệnh. - Kết thúc bài thơ là những trăn trở trong niềm khát khao mãnh liệt được đồng cảm, thấu hiểu. Cô đơn trong thời đại mình, ông gửi tâm tư đó nơi hậu thế. 2. Cách triển khai mạch ý 2.1. Mạch ý nối tiếp giữa câu 1 và câu 2 - Về nội dung: Câu 1 nhắc đến cảnh đẹp Tây Hồ, thắng cảnh nổi tiếng ở Hàng Châu (Trung Quốc), là địa danh gắn liền với cuộc đời và số phận cụ thể của Tiểu Thanh – “đối tượng” được tác giả điều viếng trong câu 2. Mạch ý giữa câu 1 và câu 2 là mạch tiếp nối - Về cấu tứ: Là sự đồng hiện giữa quá khứ và thực tại trong xúc cảm nội tâm của nhà thơ + Cảnh đẹp huy hoàng của quá khứ (cảnh đẹp Tây Hồ) trải biến thiên dâu bể, giờ đây đổ nát phôi pha; trước khung cảnh thực tại ấy, riêng ta ngậm ngùi xót thương cho số phận oan khiên của kẻ tài hoa mệnh bạc ngày trước. + Cảm xúc về đời thế và sự hoài cảm về số phận con người đan xen trong hai câu thơ này.

Định hướng trao đổi, thảo luận:

Theo bạn, nội dung câu 1 và câu 2 của bài thơ có mối quan hệ logic với nhau như thế nào?

Trạm 2 - Nhóm 2: Trạm dừng quá khứ

Định hướng trao đổi, thảo luận:

Chỉ ra và nhận xét mối quan hệ đối về ý trong hai câu thực.

Trạm 3 - Nhóm 3: Mối đồng điệu xưa – nay

Định hướng trao đổi, thảo luận:

Phân tích những cảm xúc và suy ngẫm của tác giả được thể hiện qua hai câu luận.

Trạm 4 - Nhóm 4: Tâm sự trao hậu thế

Định hướng trao đổi, thảo luận:

Chia sẻ suy nghĩ của bạn về tâm sự của Nguyễn Du ở hai câu kết.

- Bước 2:

- + GV chọn MC dẫn chương trình
- + Hành trình văn học sẽ được MC thực hiện qua việc phỏng vấn, trao đổi với 4 trạm dừng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi nhóm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Hành trình văn học theo sự dẫn dắt của MC qua 4 trạm dừng
- GV theo dõi, điều hành, hỗ trợ HS

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chốt các vấn đề

Mối quan hệ đối về ý trong hai câu thực

- **Biểu hiện** và mối quan hệ đối về ý trong hai câu thực:

Chi phần// hữu thân// liên/ tử hậu,

Văn chương // vô mệnh//lụy/ phần dư

(Son phần vì có thân nên vẫn phải xót xa về những việc sau khi chết, Văn chương không có số mệnh, phải chịu lụy bị đốt dở.)

+ “Son phần” (vẻ đẹp thân sắc dung nhan [bên ngoài]) và “văn chương” (vẻ đẹp tâm hồn tài năng [bên trong])

+ “Có” thân thái (son phần có hình sắc cụ thể toát ra thân thái, là cái thấy được) và “không” có thân mệnh (văn chương vốn không có thân xác, vô hình, chỉ có thể cảm nhận);

+ “Son phần” phải chịu nỗi xót xa ngay cả khi đã chết còn “văn chương” thì bị đốt chỉ còn sót lại.

- **Nhận xét** về đối ý trong hai câu thực:

+ Về đầu của mỗi câu có biểu hiện đối lập (tương phản): son phần (vẻ đẹp hồng nhan, hình sắc, bên ngoài) và văn chương (vẻ đẹp tinh thần, tâm hồn, bên trong); son phần thì có linh hồn còn văn chương thì không có thân mệnh.

+ Về sau của mỗi câu có xu hướng thống nhất (tương thành): cả son phần và văn chương đều phải chịu số phận oan khiên; “son phần” phải chịu nỗi đau tinh thần (xót xa về những việc xảy ra sau khi chết) còn “văn chương” phải chịu nỗi đau thể xác (bị đốt).

Đối ý trong hai câu thơ thể hiện sự khái quát hoá sâu sắc về số phận của cái đẹp nói chung.

2.3. Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả qua hai câu luận

- Số phận bi kịch của kẻ tài hoa xưa nay không thể hỏi trời để biết rõ được nguyên nhân; ta tự đặt mình vào số phận tự ta gánh chịu bi kịch, ta cùng hội cùng thuyền với thân phận “khách má hồng” chịu nỗi truân chuyên.

- Nguyễn Du triết lí, suy ngẫm về bi kịch “hồng nhan đa truân”, “tài tử đa cùng” và coi mình là người trong cuộc, là kẻ đồng bệnh tương lân; nhà thơ đồng nhất mình với thân phận của người phụ nữ; số phận của nàng cũng chính là số phận của ta.

- Đặt trong bối cảnh xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ xưa, những suy tư, cảm xúc,.. của tác giả trước bi kịch của người phụ nữ thật đáng trân trọng, đồng thời gợi cho chúng ta nhiều suy ngẫm. Nhà Nho xưa khó chấp nhận việc một ông quan lại tự coi mình cùng hội cùng thuyền với kẻ nữ nhi bạc mệnh.

3. Cảm hứng nhân đạo mới mẻ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Qua bài thơ, tác giả đã khái quát về bi kịch chung của những người tài hoa, phong nhã trong xã hội phong kiến như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi nhóm theo bàn
- GV khích lệ, động viên

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2- 3 nhóm thuyết trình sản phẩm của nhóm mình
- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức

2.4. Tâm sự của Nguyễn Du ở hai câu kết

- Hình thức câu nghi vấn (*bất tri* – không biết; *hà nhân* – người nào) và ý thơ nổi kết mạch quá khứ – hiện tại – vị lai được biểu đạt trong hai câu kết, giúp thể hiện sâu sắc sự cảm thán của tác giả: Hiện tại, ta khóc thương cho Tiểu Thanh hơn ba trăm năm trước, không biết hơn ba trăm năm sau nữa ai người khóc Tố Như ta!

- Trong nguyên văn, *hà nhân* (người nào) là câu hỏi bộ phận, đặt trong chính thể của câu thơ mang ý khẳng định: ba trăm năm trước số phận Tiểu Thanh bị vùi dập; nay ta khóc nàng mà mối hận vẫn còn đó, câu hỏi trở trêu không có lời giải đáp; ta lại thương cho người đời sau vẫn phải xót xa cho tấm lòng của Tố Như ta. Dự cảm về bi kịch “trời khôn hỏi” của cái đẹp, cái tài hoa mà Nguyễn Du cảm khái, từ góc nhìn thời đại ông, thật day dứt và ám ảnh. “Con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ đến ngàn đời” của Tố Như tử (Mộng Liên Đường chủ nhân) thể hiện thật rõ trong ý thơ này.

- Đến cuối bài, ý thơ vào chỗ tự thán, băn khoăn về việc có ai khóc mình hay không. Ngấm thê sự rồi tủi cho thân phận mình, trông người lại nghĩ đến ta,... là logic rất tự nhiên.

3. Cảm hứng nhân đạo mới mẻ

- Bài *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du đặt trong tổng thể sự nghiệp, tư tưởng và phong cách tác giả, đã biểu đạt cảm quan, suy ngẫm sâu sắc của ông về thân phận con người, đặc biệt là thân phận của người phụ nữ, của kẻ đa tài.

- Bài thơ có hai nhân vật: nhân vật trữ tình (có thể hiểu là tác giả) và nhân vật được nhắc tới trong lời của nhân vật trữ tình. Tiểu Thanh là một nhân vật, một số phận cụ thể, là “đối tượng” để tác giả bày tỏ xúc cảm, suy nghĩ tự thân của mình. Gần giống với nhân vật Thuý Kiều (Truyện Kiều), Tiểu Thanh cùng lúc đại diện cho hai giá trị thiên phú: sắc và tài, tuổi trẻ hồng nhan và tài năng cầm kì thi họa. Thống nhất với con người tác giả, Tố Như là hiện thân của hai phẩm chất nhân sinh: tâm và tài, tấm lòng biết nhõn và tài năng thi thư chính giáo.

- Tiểu Thanh phải chịu đựng bao nỗi hẩm hiu, oan khiên, bất hạnh, cuộc đời Nguyễn Du từng ném trái muộn và trái ngang, gió bụi, thăng trầm. Tiểu Thanh tiêu biểu cho kiếp “hồng nhan đa truân, Tố Như cảm khái về lẽ “tài tử đa cùng”. Những người tài hoa phong nhã, những khách văn chương tài tử xưa nay thường phải gánh mang mối hận vô lí; điều này hẳn do hiện thực đời thế bất công xui khiến mà

	nên. - Bài thơ này, cùng với <i>Truyện Kiều</i> và nhiều tác phẩm khác, đã khái quát sâu sắc bi kịch chung của những con người đáng quý đáng trọng nhưng bị cuộc đời làm cho bầm dập: “Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau”, “Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen”, “Bắt phong trần phải phong trần”, “Có tài mà cật chi tài”, “Chữ tài liền với chữ tai một vần”, “Tài tình chi lắm cho trời đất ghen” (<i>Truyện Kiều</i>)... Thông qua sự khái quát hoá về thân phận cái đẹp, số phận con người, tác giả đã thể hiện những suy ngẫm, triết lí, dự cảm đầy tính nhân văn của mình.
--	---

2.3. Hướng dẫn HS tổng kết

a. **Mục tiêu:** HS nắm được phương pháp đọc hiểu thơ chữ Hán của Nguyễn Du

b. **Nội dung:** HS thảo luận theo cặp

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ ? Từ trải nghiệm đọc văn bản <i>Độc Tiểu Thanh kí</i>, hãy chia sẻ phương pháp đọc hiểu thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoạt động thảo luận theo cặp. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số cặp phát biểu. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, đánh giá kết quả, chuẩn hóa kiến thức.	III. Tổng kết Phương pháp đọc hiểu thơ chữ Hán của Nguyễn Du: - Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản - Nhận biết và phân tích được vai trò của yếu tố tượng trưng trong thơ. Đánh giá được giá trị thẩm mĩ của một số yếu tố trong thơ như: cấu tứ, ngôn từ, hình ảnh, nghệ thuật tu từ đối,... trong văn bản.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng trò chơi: “**Rung chuông vàng mini**”

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV củng cố kiến thức bài học cho HS qua một số câu hỏi Trắc nghiệm khách quan thông qua trò chơi: “**Rung chuông vàng mini**”

Câu 1. Tiểu Thanh là nhân vật

A. có trong giai thoại của người dân Việt Nam.

B. có thực, sống vào đầu đời Minh ở Trung Quốc.

GV: Nguyễn Thị Nền

- C. được Nguyễn Du hư cấu.
D. có thực trong lịch sử văn học Việt Nam.

Câu 2.

*"Son phấn có thân chôn vãn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương"*

Ý nghĩa biểu tượng của hai từ "son phấn" và "văn chương" trong hai câu thơ trên là

- A. chỉ sắc đẹp và trí tuệ của Tiểu Thanh.
B. chỉ sắc đẹp và tài năng của Tiểu Thanh.
C. chỉ phẩm hạnh và sắc đẹp của Tiểu Thanh.
D. chỉ vẻ đẹp của trí tuệ và tâm hồn của Tiểu Thanh.

Câu 3.

*"Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang,
Thổn thức bên song mảnh giấy tàn"*

Vai trò của hai câu thơ trên đối với chủ đề toàn bài thơ là gì?

- A. Là hai câu khai đề nói về qui luật tàn phá của thời gian để từ đó triết lí về thân phận con người.
B. Là hai câu khai đề tác giả hình dung quang cảnh hoang phế của Tây Hồ, nơi đã diễn ra cuộc đời đầy buồn tủi của nàng Tiểu Thanh, hình dung những mảnh giấy còn sót lại của thơ Tiểu Thanh, từ đó mà cảm xúc trào dâng.
C. Là hai câu khai đề nêu lên cảm thức của tác giả về những đổi thay của cuộc đời, để từ đó bày tỏ niềm xót xa trước sự lụi tàn của cái đẹp.
D. Là hai câu khai đề miêu tả quang cảnh hoang phế của Tây Hồ.

Câu 4.

*"Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?"*

Vai trò của hai câu thơ trên đối với chủ đề toàn bài thơ là gì?

- A. Là hai câu kết tổng kết lại toàn bộ bài thơ.
B. Là hai câu kết có ý nghĩa khái quát về thân phận của tác giả cũng như của nghệ sĩ nói chung.
C. Là hai câu kết, Nguyễn Du khóc than cho số phận của mình.
D. Là hai câu kết bày tỏ niềm khắc khoải, day dứt của Nguyễn Du không biết hậu thế có ai tiếc thương cho ông, như ông tiếc thương cho Tiểu Thanh.

Câu 5. Câu thơ nào trong bài thơ *Độc tiểu Thanh* kí thể hiện sâu sắc nhất sự đồng cảm của tác giả Nguyễn Du với nàng Tiểu Thanh?

- A. "Cổ kim hận sự thiên nan vấn".
B. "Phong vận kì oan ngã tự cư".
C. "Chi phấn hữu thân liên tử hậu".
D. "Văn chương vô mệnh lụy phần dư".

Câu 6. Hai câu thơ "Son phấn có thân chôn vãn hận - Văn chương không mệnh đốt còn vương" thể hiện tình cảm gì của Nguyễn Du đối với cuộc đời và số phận Tiểu Thanh?

- A. Ngậm ngùi và oán thán.
B. Chua xót và uất hận.
C. Cảm thương và trân trọng.

D. Khẳng định và ngợi ca.

Câu 7. Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* có hiện tượng gì đặc biệt về nghệ thuật?

A. Thất vận (không vần).

B. Không có đối.

C. Đối không chỉnh.

D. Thất niêm (câu một không niêm với câu tám).

Câu 8. Hai câu đầu trong bài *Độc tiểu Thanh kí* thể hiện tình cảm nào của Nguyễn Du đối với Tiểu Thanh?

A. Nhớ thương.

B. Yêu thương.

C. Xót thương.

D. Cảm thương.

Câu 9. Câu thơ nào không nói về thân phận gian truân, vất vả của người phụ nữ xưa?

A. "Thuở trời đất nổi cơn gió bụi - Khách má hồng lăm nổi truân chuyên".

B. "Hồng quân với khách hồng quân - Đã xoay đến thế còn vần chưa tha".

C. "Bấy lâu nghe tiếng má đào - Mắt xanh chẳng để ai vào có không?"

D. "Đau đớn thay phận đàn bà - Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?".

Câu 10. Dòng nào dưới đây nhận xét đúng nhất về đề tài bài thơ *Độc tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du?

A. Bài thơ viết về hình ảnh người phụ nữ nói chung.

B. Bài thơ viết về những kiếp người bất hạnh của Trung Hoa.

C. Bài thơ viết về những người quân tử.

D. Bài thơ viết về những kiếp tài hoa bạc mệnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- 8 HS tham gia chơi thực hiện trả lời 10 câu hỏi trắc nghiệm củng cố nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS thực hiện trả lời 10 câu hỏi trong thời gian 5 phút.

- 1 MC dẫn chương trình; GV hỗ trợ trình chiếu câu hỏi cùng MC; các HS khác quan sát, theo dõi.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV công bố HS theo thứ tự: Nhất, Nhì, Ba.

- GV trao thưởng cho HS: Nhất, Nhì, Ba.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS thực hiện bài tập vận dụng theo yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Bài tập 1: Kỹ thuật Think – pair – share Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS chọn một trong những vấn đề sau, suy nghĩ cá	1. Bài tập 1: Think – pair – share 1. Một số tác phẩm tìm đọc: <i>Điếu La Thành ca giả</i> ; <i>Vọng phu thạch</i> ; <i>Long Thành cầm giả ca</i> ; <i>Dương Phi cố lí</i> ; <i>Sở kiến hành</i> ; <i>Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu</i> ,... 2. Đồng cảm với những mảnh đời bất hạnh, trân trọng,

nhân, sau đó thảo luận cặp đôi rồi chia sẻ trước lớp:

1. Hãy tìm đọc và giới thiệu một vài tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ của Nguyễn Du.

2. Trước cuộc đời bi thảm của nàng Tiểu Thanh, Nguyễn Du xót xa, thương cảm với số phận bất hạnh của nàng. Từ đó, ông đòi quyền sống cho con người – đặc biệt là những văn nghệ sĩ. Đồng thời, Nguyễn Du cũng tự thương, tự đau cho chính mình với niềm khao khát tri âm tri kỉ gửi vào cuộc đời – những người hậu thế. Liên hệ bài thơ với cuộc sống, là một hậu bối, em làm gì để “khóc” cho Tố Như?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo kỹ thuật Think – pair – share. Có thể giao vấn đề theo dãy/ nhóm, hình thành các góc học tập.

- HS tích cực chia sẻ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày suy nghĩ về các vấn đề.

- Các HS khác lắng nghe, đánh giá, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét đánh giá hoặc cho điểm để khích lệ HS.

2. Bài tập 2: Viết đoạn văn

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) so sánh nội dung hai câu luận của *Độc Tiểu Thanh kí* với nội dung 2 câu thơ trong *Truyện Kiều*:

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết ở nhà.

gìn giữ, phát huy những giá trị văn hoá tinh thần do cha ông để lại.

- Học tập thơ Nguyễn Du, gìn giữ *Truyện Kiều*...

2. Bài tập 2: Viết đoạn văn

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 150 chữ.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: so sánh nội dung hai câu luận của <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> với nội dung 2 câu thơ trong <i>Truyện Kiều</i>: - Hai câu luận bài <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> thể hiện sự đồng cảm, đồng nhất thân phận của tác giả và số phận người con gái tài sắc nhưng bất hạnh. Đồng thời là tiếng than mang tính triết lí về sự thực trớ trêu của tạo hóa. - Hai câu thơ trong <i>Truyện Kiều</i> là lời than xót gan ruột của tác giả trước số phận hồng nhan bạc mệnh <i>Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung</i> không chỉ là chung cho số phận đàn bà, mà còn là chung cho số phận của ta và khách má hồng. Hồng nhan bạc mệnh và tài tử đa cùng – cả hai đều chung một thân phận - Hai cặp câu thơ ở hai tác phẩm, một tác phẩm chữ Hán, một tác phẩm chữ Nôm đã bổ sung và nối tiếp ý một cách thống nhất. Cả hai cặp câu thơ thể hiện tâm sự của kẻ “đồng bệnh tương lân”, niềm thương cảm chân thực được cảm nhận bằng nỗi đau của người trong cuộc chứ không phải là sự đoái thương thông thường.		
3	Có câu chủ đề.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		

- GV cung cấp bảng kiểm cho HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS gửi bài vào nhóm lớp. - Các HS đánh giá dựa vào bảng kiểm theo phân công chéo từ giáo viên. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức, kĩ năng.	<table><tr><td>5</td><td>Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.</td><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="4"></td></tr></table>	5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.						
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.								

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tiếp tục tìm đọc và giới thiệu một vài tác phẩm viết về đề tài người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Du. Có thể chọn một tác phẩm bản thân yêu thích, viết giới thiệu tác phẩm ấy. Sau đó quay video gửi vào nhóm lớp.
- Chuẩn bị bài: Thực hành đọc *Chí khí anh hùng* (Trích Truyện Kiều - Nguyễn Du), *Mộng đắc thái liên* (Mơ đi hái sen - Nguyễn Du), Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ lập cấu trúc, biện pháp tu từ đối.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 62

BIỆN PHÁP TU TỪ LẬP CẤU TRÚC, BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- HS nhận biết được các hình thức của biện pháp tu từ lập cấu trúc và biện pháp tu từ đối.

- HS phân tích được các tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ cho các hoạt động đọc và viết.

2. Phẩm chất

- HS biết trân trọng, yêu mến và có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Khơi gợi hứng thú, tạo tiền đề, kết nối với bài học

b. **Nội dung hoạt động:** HS xem clip, nghe bài hát, trình bày cảm nhận cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS xem Clip: Trên đỉnh Phù Vân (có Vietsub) Câu hỏi: Em ấn tượng bởi điều gì trong bài hát? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe bài hát, suy nghĩ cá nhân. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày cảm nhận theo suy nghĩ cá nhân. - HS khác quan sát, lắng nghe, chia sẻ, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài: <i>Có những bài ca đi cùng năm tháng, có những tác phẩm bất hủ trong trái tim mỗi người. Điều gì đã góp phần làm nên giá trị cho các tác phẩm nghệ thuật còn mãi? Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta giải đáp.</i>	HS cảm nhận về ca từ, giai điệu bài hát theo suy nghĩ cá nhân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** HS nhận biết được tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối.

b. **Nội dung hoạt động:** HS đọc thu thập thông tin, nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối thông qua bảng nổi cột

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng, nhanh và kết quả thực hành bài tập của HS

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Nổi cột A với cột B

A	Nổi	B
1. Tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp		<i>Con sóng dưới lòng sâu.</i> <i>Con sóng trên mặt nước.</i> (Trích Xuân Quỳnh – Sóng)

2. Tác dụng của biện pháp tu từ đối		<i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i> (Trích Chinh phụ ngâm - Bản dịch Đoàn Thị Điểm).
3. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ đối (trong một cặp câu)		c) <i>Sóng biếc theo làn hơi gợn tí Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo</i> (Thu điếu- Nguyễn Khuyến)
4. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ đối (trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu)		d) Tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung tác giả muốn nhấn mạnh.
5. Ngữ liệu chứa biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp		e) Tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem lại phần Tri thức Ngữ văn tr.6 SGK tập 2 để nhận biết biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối - GV chiếu Bảng nối cột A với cột B Yêu cầu: HS quan sát, thảo luận cặp đôi nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc và biện pháp tu từ đối bằng nối cột Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lại Tri thức Ngữ văn theo yêu cầu - HS trao đổi, thảo luận cặp đôi hoàn thành bảng nối - GV quan sát, khích lệ, động viên HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện cặp đôi trình bày kết quả nối cột - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá kết quả làm việc của HS theo Dự kiến sản phẩm (ĐÁP ÁN: 1d, 2e, 3c, 4b, 5a)	I. Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối 1/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp - Biện pháp tu từ lặp cấu trúc được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, nhất là trong thơ. - Biện pháp tu từ này tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của đoạn thơ, đoạn văn và làm nổi bật nội dung tác giả muốn nhấn mạnh. Ví dụ: <i>Con sóng dưới lòng sâu. Con sóng trên mặt nước.</i> (Xuân Quỳnh, Sóng) => Hai câu thơ này có dùng phép lặp cú pháp, tạo nên ấn tượng đặc biệt về nhịp điệu của thơ như nhịp sóng, khắc họa hình ảnh mọi con sóng (mọi con người) đều đang ở trong tâm trạng nhớ thương day dứt khôn nguôi. 2/ Nhận biết tác dụng của biện pháp tu từ đối - Biện pháp tu từ đối được sử dụng phổ biến trong văn bản văn học, có tác dụng tạo nên vẻ đẹp cân xứng, hài hòa cho lời thơ, câu văn. + Đối trong một cụm từ hoặc đối giữa hai vế câu: <i>Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu Ngàn dâu xanh ngắt một màu, Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?</i>

	(Bản dịch Đoàn Thị Điểm, <i>Chinh phụ ngâm</i>) + Đối trong một cặp câu: <i>Sóng biếc theo làn hơi gợn tí, Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.</i> (Nguyễn Khuyến, <i>Thu điếu</i>)
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:**
- HS phân tích được các tác dụng của các biện pháp tu từ trên trong ngữ cảnh. Từ đó rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ, hỗ trợ cho các hoạt động đọc và viết.
- b. Nội dung hoạt động:** HS trao đổi nhóm làm bài tập theo yêu cầu.
- c. Sản phẩm:** Kết quả thực hành bài tập của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập SGK Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm: - Nhóm 1, 3 hoàn thành bài tập 1 sgk - Nhóm 2, 4 hoàn thành bài tập 2 sgk (Thời gian 5 phút) - Tiếp theo mỗi thành viên nhóm 1 kết hợp với một thành viên nhóm 2; mỗi thành viên nhóm 3 kết hợp với một thành viên nhóm 4 hình thành nhóm cặp đôi mới, trao đổi kết quả thảo luận nhóm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi một số cặp đôi trình bày kết quả thảo luận. - HS còn lại chú ý quan sát, góp ý, bổ sung, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá câu	II. Luyện tập 1. Bài tập 1 SGK Ngữ văn 11, tập 2, trg 20 a. “Buồn trông cửa bể chiều hôm Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.” - Từ ngữ thể hiện: Cấu trúc <i>Buồn trông</i> + lặp ở các câu sáu - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu ... + Nhấn mạnh nỗi buồn triền miên, chông chênh trong tâm hồn nhân vật trữ tình và bao trùm cả đất trời, sông nước; ngoài về chiều nào của không gian cũng chỉ thấy mênh mông, hoang vắng, ảm đạm, u buồn,... b. “Khi tỉnh rượu lúc tàn canh Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?” - Từ ngữ thể hiện: Khi/ Khi sao/ Giờ sao/ Mặt sao/ Thân - Tác dụng: + Nhấn mạnh sự tương phản giữa quá khứ êm đềm, hạnh phúc và hiện tại phũ phàng, nghiệt ngã, đồng thời thể hiện cảm giác bàng hoàng, đau đớn, nhục nhã của Thúy Kiều khi rơi vào lầu xanh lần thứ hai. + Tạo nhịp điệu thể hiện cảm xúc xót xa, ngao ngán với số phận của Kiều. c. “Đã cho lấy chữ hồng nhan, Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi!” - Từ ngữ thể hiện: Đã cho...đã đầy.... + Lặp cấu trúc ở các câu sáu. - Tác dụng:

trả lời của các nhóm, chuẩn hóa kiến thức.	+ Tạo nhịp điệu, giọng điệu day dứt, đay nghiến + Thể hiện nỗi cay đắng, sự bất bình, phần uất trước số phận oan trái, chồng chất đau khổ, bất hạnh của Thúy Kiều và trước thân phận con người. 2. Bài tập 2 SGK Ngữ văn 11, tập 2, trng 20,21 a. Biện pháp tu từ đối trong cụm từ hoặc vế câu: - <i>Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai</i> - <i>Người quốc sắc kẻ thiên tài,</i> <i>Tình trong như đã mặt ngoài còn e.</i> - <i>Rón ngời chẳng tiện dứt về chĩnh khôn</i> - <i>Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i> Biện pháp tu từ đối trong một cặp câu: <i>Dưới dòng nước chảy trong veo,</i> <i>Bên cầu tơ liễu bóng chiều thiet tha</i> Tác dụng: - <i>Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai:</i> ca ngợi vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân - mỗi người một vẻ nhưng đều có cốt cách thanh nhã, kiêu diễm. - <i>Người quốc sắc kẻ thiên tài,</i> <i>Tình trong như đã mặt ngoài còn e.</i> =>Nhấn mạnh sự tương xứng và miêu tả khoảnh khắc tình yêu chớm nở giữa Thúy Kiều và Kim Trọng. - <i>Rón ngời chẳng tiện dứt về chĩnh khôn</i> - <i>Khách đà lên ngựa người còn ghé theo</i> =>Diễn tả tâm trạng bối rối, lưu luyến khi phải chia tay <i>Dưới dòng nước chảy trong veo,</i> <i>Bên cầu tơ liễu bóng chiều thiet tha</i> =>Diễn tả vẻ đẹp hài hòa, hữu tình của cảnh sắc thiên nhiên như đồng cảm với tình yêu của cặp tài tử giai nhân. b. Biện pháp tu từ đối ở các câu: <i>Áo dầm giọt lệ tóc se mái sầu; Vì ta khăng khít cho người dở dang</i> Tác dụng: Nhấn mạnh nỗi đau khổ, day dứt, mặc cảm có lỗi của Thúy Kiều khi nghĩ về Kim Trọng và mối tình dang dở. c. Biện pháp tu từ đối trong cặp câu: <i>Người về chiếc bóng năm canh,/Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi;</i> Biện pháp tu từ đối trong vế câu: <i>Nửa in gối chiếc/ nửa soi dặm trường!</i> Tác dụng:
---	---

	+ Tạo nên sự cân đối, hài hòa trong cách thể hiện cảm xúc của tác giả. + Nhấn mạnh sự tương đồng trong tâm trạng cô đơn, lưu luyến, nhớ nhung, khắc khoải của Thúc Sinh và Thúy Kiều khi phải xa cách, chia li.
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS làm bài tập vận dụng viết đoạn theo yêu cầu.
- c. **Sản phẩm:** Đoạn văn của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Về nhà) GV hướng dẫn HS thực hành viết đoạn văn (có sử dụng biện pháp tu từ lặp cấu trúc hoặc đối) nêu cảm nhận về một câu thơ yêu thích trong <i>Truyện Kiều</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Cá nhân gửi sản phẩm vào nhóm lớp. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV đánh giá bằng nhận xét hoặc cho điểm HS.	Đoạn văn của HS và nhận xét (hoặc điểm số) của GV

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Hoàn thành bài tập vận dụng.
- Sưu tầm thêm các bài tập xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ lặp cấu trúc cú pháp và biện pháp tu từ đối.
- **Chuẩn bị bài:** Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....

VIẾT

Tiết: 63,64,65

VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy **viết**:

- HS nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học (có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận).

- HS biết thực hành viết văn thuyết minh về một tác phẩm văn học theo các bước được hướng dẫn.

2. Phẩm chất

Thể hiện tinh thần trách nhiệm khi giới thiệu một tác phẩm văn học:

- Yêu nước: Trân trọng, có ý thức bảo vệ và lưu giữ các tác phẩm văn học của các tác giả.

- Trung thực: Tôn trọng các bài viết của các nhà nghiên cứu uy tín.

- Trách nhiệm: Cung cấp kiến thức về văn thuyết minh cũng như kiến thức về tác giả tác phẩm một cách chính xác nhất.

- Chăm chỉ: Hình thành thói quen sưu tầm các tư liệu trong việc nâng cao chất lượng bài viết. Rèn luyện thói quen viết văn thuyết minh ở nhiều đề tài khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS chia sẻ nhanh về một tác phẩm văn học yêu thích, say mê

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>Hãy chia sẻ nhanh 1 phút về một tác phẩm văn học mà em yêu thích, say mê.</i>	- HS chọn tác phẩm. - HS thể hiện quan điểm cá nhân.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh suy nghĩ câu hỏi. - GV động viên, khích lệ HS.	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời câu hỏi trong 1 phút	

- HS khác quan sát, nghe và khích lệ, cổ vũ bạn.

Bước 4: Đánh giá kết luận

- GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học (có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận).

b. Nội dung hoạt động:

- GV tổ chức cho học sinh thảo luận cặp đôi về những yêu cầu của một bài viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Hình thành lối sống tích cực trong xã hội hiện đại) trong tương quan so sánh với yêu cầu khi viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội (Con người với cuộc sống xung quanh).

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc mục yêu cầu trong SGK/21 và thảo luận cặp đôi về các vấn đề: + Em hãy cho biết khi viết một bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học cần phải đảm bảo những yêu cầu nào? + Điều gì làm nên giá trị và sức hấp dẫn của bài văn thuyết minh? + Em cần chuẩn bị những gì để viết tốt kiểu bài này? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm báo cáo, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài 1. Yêu cầu và sức hấp dẫn - Giới thiệu được tác phẩm cần thuyết minh (nhan đề, tên tác giả, đánh giá chung) - Giới thiệu khái quát về tác giả. - Nêu được hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại; tóm tắt được nội dung tác phẩm. - Nêu thông tin cơ bản về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Khẳng định vị trí, đóng góp của tác phẩm đối với đời sống văn học. - Có lòng ghép các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận. 2. Cần chuẩn bị: Tri thức về tác giả, tác phẩm và kỹ năng làm văn.

2.2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- HS xác định được nội dung, nội dung trọng tâm của bài viết.

- HS chỉ ra được sự kết hợp của một số yếu tố: tự sự, miêu tả, biểu cảm hoặc nghị luận được sử dụng trong bài thuyết minh.

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 22-24 SGK.

- HS thảo luận nhóm bàn sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm:

GV: Nguyễn Thị Nền

- HS trả lời câu hỏi SGK.
- HS rút ra được kinh nghiệm để viết một bài văn thuyết minh về một tác phẩm văn học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc bài viết tham khảo và nhắc các em chú ý các thể định hướng đọc. - GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi đặt dưới bài viết tham khảo: + Bài thuyết minh <i>Truyện Kiều</i>- kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du gồm những nội dung gì? Nội dung nào được tác giả xác định là trọng tâm? + Chỉ ra sự kết hợp của một số yếu tố như tự sự, miêu tả, biểu cảm hoặc nghị luận được sử dụng trong bài văn thuyết minh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tham khảo. - HS thảo luận theo bàn trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - HS có thể học tập kỹ năng diễn đạt và trình bày ở bài viết tham khảo để viết kiểu bài thuyết minh tương tự.	II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo 1. Đọc bài viết tham khảo 2. Phân tích bài viết tham khảo: <i>Truyện Kiều</i>- kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du *Nội dung trọng tâm của bài thuyết minh: - Giới thiệu về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> (hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại, nội dung, nghệ thuật, khẳng định vị trí, đóng góp của tác phẩm, vị trí của tác phẩm với đời sống văn học). - Nội dung được tác giả xác định là trọng tâm: giá trị tư tưởng, nghệ thuật và vị trí của tác phẩm trong nền văn học dân tộc. * Một số yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận: - Tự sự: Người viết tóm tắt cốt truyện. - Miêu tả: Tả về các nhân vật: Kim Trọng, Thúy Kiều. - Biểu cảm: Người viết trân trọng, đề cao vị trí của tác giả, tác phẩm. - Nghị luận: Bài viết được trình bày theo hệ thống luận điểm rõ ràng, mạch lạc. Đồng thời bày tỏ quan điểm về tác phẩm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu:

- HS biết thực hành viết văn thuyết minh về một tác phẩm văn học theo các bước được hướng dẫn.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ – Đầu tiên, GV cho HS tự nghiên cứu (theo nhóm) phần Thực hành viết	III. Thực hành viết theo các bước 1. Chuẩn bị viết Minh họa: <u>Đề bài:</u> Viết bài thuyết minh về tác phẩm “Chuyện

gồm bốn bước lớn trong SGK. Sau đó, mỗi nhóm nêu các vấn đề còn thắc mắc để trao đổi chung, mục đích là để tất cả đều có nhận thức thông suốt về quy trình viết. – GV giúp HS tìm, lựa chọn được đề tài viết thích hợp với mình, dựa vào phần gợi ý của SGK: <i>Tác phẩm mà em lựa chọn để viết là tác phẩm nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS tự nghiên cứu theo nhóm và cá nhân lựa chọn tác phẩm sẽ thuyết minh. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ câu trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần trình bày của HS * Tìm ý, lập dàn ý Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý theo phiếu HT 1,2 (Phụ lục 1,2) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc phần Tìm ý, lập dàn ý trong SGK và hoàn thành các yêu cầu của phiếu học tập. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi đại diện 2 nhóm HS chia sẻ kết quả. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, góp ý phần sản phẩm của HS. * Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý, sau đó chỉnh sửa, hoàn thiện. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Cá nhân HS viết bài. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2-3 HS chia sẻ bài viết của mình. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận, trả bài * GV yêu cầu HS nhắc lại, khắc sâu	chức phán sự đền Tản Viên” (Nguyễn Dữ) Một số nguồn tham khảo: - Lời tựa của Bùi Duy Tân và Trần Thị Băng Thanh về <i>Truyện kỳ mạn lục</i> - "Chương 8: Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên" . vanhoc.org. - <i>Truyện kỳ mạn lục</i>, bản dịch của Trúc Khê, Ngô Văn Triện. NXb Trẻ & Hội Nghiên cứu giảng dạy văn học TP. HCM, in lại năm 1988. - Trần Văn Giáp, Tìm hiểu kho sách Hán Nôm (Tập 1 và Tập 2 in chung), Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003. - Nguyễn Đăng Na, Văn xuôi tự sự Việt Nam (Tập 1). Nhà xuất bản Giáo dục, 1997. - Tạ Ngọc Liễn, Danh nhân văn hóa trong lịch sử. Nhà xuất bản Thanh Niên, 2008. Một số nhận định: - Bàn về nhân vật Ngô Tử Văn trong <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i>, PGS.TS Lã Nhâm Thìn viết: “Đây là hình tượng tiêu biểu của kẻ sĩ cương trực, khảng khái, kiên quyết chống gian tà” (Lã Nhâm Thìn – Phân tích tác phẩm văn học trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại, NXB Giáo dục, 2009, trang 7). - Phan Huy Chú có nhận xét "Truyện kỳ mạn lục" của Nguyễn Dữ là "áng văn hay của các bậc đại gia". - Tạ Ngọc Liễn nhận xét về Nguyễn Dữ: Qua sách <i>Truyện kỳ mạn lục</i>, có thể biết phần nào về tác giả. Bởi trong 20 truyện, truyện nào cũng thể hiện một quan điểm chính trị, một thái độ nhân sinh, một ý tưởng đạo đức của Nguyễn Dữ. Đó là những mong muốn của ông về một xã hội mọi người được sống yên bình trong nền đức trị, trong sự công bằng, trong tình cảm yêu thương nhân ái giữa con người với con người. - Sang thế kỷ XVIII, Vũ Khâm Lân, một tác gia lớn, đã đánh giá <i>Truyện kỳ mạn lục</i> là “Thiên cổ kỳ bút”,... 2. Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý - Lí do lựa chọn tác phẩm này để thuyết minh. - Vị trí tác giả và tác phẩm được thuyết minh trong nền văn học.
---	--

yêu cầu của kiểu bài. * Nhận xét về kết quả viết và yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết. * GV nhận xét theo Bảng kiểm (Phụ lục 3)	- Hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm. - Thể loại tác phẩm. - Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. - Đánh giá về giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. - Giá trị của tác phẩm trong đời sống văn học. b. Lập dàn ý Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm. Thân bài: - Giới thiệu khái quát về tác giả. - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục tác phẩm. - Trình bày giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm. Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học hoặc cho đời sống văn hóa của đất nước và thế giới. 3. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện (45 phút) HS thực hành viết theo các bước. Đề bài: Viết bài thuyết minh về tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” (Nguyễn Dữ) Tham khảo dàn ý (Phụ lục 4)
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài:

- Nhận diện và hiểu rõ những ưu điểm và nhược điểm trong bài viết.
- Phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế ở bài viết.

b. Nội dung: HS viết bài; GV kiểm tra việc hiểu bài của HS.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Hãy thuyết minh về tác phẩm *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi).
- Giáo viên nêu rõ thời gian thực hiện, hình thức nộp bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS viết bài ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ bài viết của mình lên nhóm lớp. GV phân công HS nhận xét, góp ý bổ sung chéo nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chấm điểm theo Bảng kiểm quy định chung (đã có ở hoạt động luyện tập)

Phụ lục:

Phụ lục 1. PHT số 1 – Tìm ý

Câu hỏi	Trả lời
- Vì sao chọn thuyết minh về tác phẩm này?	

- Tác giả và tác phẩm được thuyết minh có vị trí như thế nào?	
- Tác phẩm được sáng tác trong hoàn cảnh nào, bằng thể loại gì?	
- Nội dung cơ bản và đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm là gì?	
- Tác phẩm đã được đánh giá như thế nào về giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật?	
- Tác phẩm có giá trị gì cho đời sống văn học?	

Phụ lục 2. PHT số 2 – Lập dàn ý

Nhiệm vụ của từng phần		Nội dung chi tiết
Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm		
Thân bài	Giới thiệu khái quát về tác giả	
	Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, thể loại, bố cục tác phẩm	
	Trình bày giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm	
Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học hoặc cho đời sống văn hóa của đất nước và thế giới		

Phụ lục 3. Bảng kiểm

stt	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu lí do chọn tác phẩm một cách thuyết phục và hấp dẫn.		
2	Bài viết có cung cấp thông tin cơ bản về tác giả, tác phẩm.		
	Xác định đúng đối tượng thuyết minh		
3	Các ý thuyết minh có sắp xếp hợp lí, cân đối, có trọng tâm		
4	Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về tác phẩm		
	Đảm bảo yêu cầu về hình thức bài văn		
	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt		
	Sáng tạo: Biết kết hợp các yếu tố phù trợ làm nổi bật đối tượng		

Phụ lục 4. DÀN Ý THAM KHẢO

1. Mở bài

- Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Dữ (những nét cơ bản về con người, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác,...)
- Giới thiệu vấn đề thuyết minh: Tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”.

2. Thân bài

a. Giới thiệu về thể loại truyền kì và tác phẩm “Truyền kì mạn lục” của Nguyễn Dữ

- Truyền kì là một thể văn xuôi của thời trung đại, có nguồn gốc từ Trung Quốc và mang những đặc trưng riêng về nội dung và nghệ thuật.
- Tác phẩm “Truyền kì mạn lục”:
 - + Gồm 20 truyện, ghi chép lại những truyện được lưu truyền trong dân gian dưới thời Lí, Trần, Hồ và Lê sơ.
 - + Giá trị nội dung:
 - ++ Phản ánh bức tranh hiện thực xã hội phong kiến đương thời, đề cập đến số phận những người phụ nữ đức hạnh rơi vào tình cảnh éo le.

++ Đề cao tinh thần dân tộc, khát vọng của người trí thức dũng cảm, tâm huyết, trung trực đấu tranh để bảo vệ chính nghĩa.

+ Giá trị nghệ thuật: Sử dụng chi tiết vừa thực vừa ảo, vừa hoang đường, thế giới con người và thế giới cõi âm với những thần thánh và ma quỷ có sự tương giao.

b. Tóm tắt nội dung tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”

“Chuyện chức phán sự đền Tản Viên” là câu chuyện kể về nhân vật Ngô Tử Văn – một con người với tính tình khảng khái, cương trực, là hình ảnh tiêu biểu cho người trí thức Việt Nam trong xã hội xưa.

+ Ngô Tử Văn và hành động đốt đền tà: tức giận trước việc “hung yêu tác quái” của tên hung thần Bách hộ họ Thôi mà Ngô Tử Văn đã quyết định đốt đền với một thái độ dứt khoát, bất chấp hậu quả xấu cho bản thân.

=> Hành động ấy của Ngô Tử Văn cho thấy Ngô Tử Văn là người cương trực, yêu chính nghĩa, không chấp nhận gian tà, điều ngang trái, vô lí tồn tại trong xã hội, nhất là hại đến dân lành.

+ Sau khi đốt đền, Ngô Tử Văn đã có cuộc gặp gỡ với hồn ma tên tướng giặc và Thổ công.

+ Chàng đã bị dẫn xuống âm ti để gặp Diêm Vương: Với sự khảng khái, cương trực của mình, không một chút lo lắng, sợ hãi, bằng những lời lẽ “rất cứng cỏi, không chịu nhún nhường chút nào”, chàng đã vạch rõ tội trạng của tên tướng giặc và từng bước giành phần chiến thắng về mình.

+ Cuối cùng, Ngô Tử Văn được nhận chức phán sự ở đền Tản Viên.

c. Trình bày giá trị tư tưởng, nghệ thuật của tác phẩm “Chuyện chức phán sự đền Tản Viên”

- Giá trị nội dung của tác phẩm:

+ Đề cao tinh thần chính nghĩa, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác, trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn nói riêng và những người trí thức Việt nói chung.

+ Phê phán những ngang trái, bất công của xã hội đương thời và sự tham nhũng, lộng quyền của giai cấp phong kiến.

+ Thể hiện niềm tin, mơ ước của nhân dân về một xã hội công bằng.

- Giá trị nghệ thuật

– Cốt truyện giàu kịch tính cùng cách kể chuyện tự nhiên, lôi cuốn, có cao trào, thắt nút, mở nút.

– Sử dụng nhiều yếu tố tưởng tượng, hoang đường, kì ảo

3. Kết bài: Khẳng định đóng góp của tác phẩm cho nền văn học hoặc cho đời sống văn hóa của đất nước và thế giới

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thành bài tập vận dụng.

- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Giới thiệu một tác phẩm văn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

- RÚT KINH NGHIỆM

GV: Nguyễn Thị Nền

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 66

GIỚI THIỆU MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy *Nói và Nghe*

- HS nhận biết được những yêu cầu về nội dung và hình thức của bài giới thiệu về một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân.

- HS biết lựa chọn, giới thiệu, đánh giá về một tác phẩm văn học.

- HS biết lắng nghe và trao đổi trên tinh thần cởi mở, xây dựng.

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS xem chương trình *Mỗi ngày một cuốn sách* và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS nêu cảm nhận về cách giới thiệu một tác phẩm văn học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem chương trình <i>Mỗi ngày một cuốn sách: Hạnh phúc của người thầy (VTV1)</i> <i>Em có suy nghĩ gì về cách giới thiệu của người dẫn trong chương trình?</i>	Suy nghĩ của cá nhân HS
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	

HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe: Giới thiệu về một tác phẩm văn học.
- HS chuẩn bị tư liệu, dự kiến được các nội dung thành phần trong bài giới thiệu và hình thức trình bày.

b. Nội dung: Xác định đề tài, tên tác phẩm sẽ giới thiệu; Tìm ý và sắp xếp các ý trong bài nói; các phương tiện hỗ trợ minh họa cho bài nói.

c. Sản phẩm: Bài giới thiệu một tác phẩm văn học của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Yêu cầu: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS nghiên cứu SGK tr.26, nêu yêu cầu của dạng bài nói giới thiệu về một tác phẩm văn học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc sgk tìm hiểu yêu cầu của dạng bài. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS chia sẻ 1 phút những thông tin tìm hiểu được. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chuẩn yêu cầu. * Chuẩn bị nói và nghe: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS lựa chọn đề tài, lựa chọn tác phẩm và lập dàn ý cho bài nói. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS lựa chọn tác phẩm và tìm hiểu, lên dàn ý nội dung bài giới thiệu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận HS thống nhất những nội dung sẽ trình bày, phương án trình bày.	1. Yêu cầu - Nêu rõ lí do lựa chọn, giới thiệu tác phẩm văn học. - Cung cấp thông tin cơ bản về tác phẩm văn học: tác giả, thể loại, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật. - Giới thiệu kĩ một vài khía cạnh đặc sắc của tác phẩm từ góc nhìn cá nhân. - Thể hiện được ý kiến, quan điểm đánh giá của cá nhân về tác phẩm. 2. Chuẩn bị nói a. Lựa chọn đề tài, tác phẩm: lựa chọn linh hoạt nhưng nên là những tác phẩm có giá trị, có thể được khai thác từ đề tài của bài viết trong tiết trước b. Dàn ý bài giới thiệu: - Mở đầu: Giới thiệu tên tác phẩm, tác giả, lí do lựa chọn. - Triển khai: + Giới thiệu đề tài, + Tóm tắt nội dung chính, + Nêu ý kiến đánh giá về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm. + Một khía cạnh mà mình tâm đắc. - Kết luận: Khẳng định giá trị và ảnh hưởng của tác phẩm. Lưu ý: Trong khi nói, cần kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp và có ý thức tương tác với người nghe.

Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét nhanh định hướng, phương án trình bày của HS.	3. Chuẩn bị nghe HS nghe tìm hiểu về đề tài được nói tới, dự kiến những vấn đề trao đổi.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS biết trình bày về một tác phẩm văn học theo lựa chọn cá nhân
- HS biết lắng nghe, nắm bắt được nội dung trình bày; nhận xét được nội dung và hình thức bài trình bày
- HS biết thảo luận trên tinh thần chia sẻ, xây dựng

b. Nội dung:

- HS giới thiệu về đề tài, tóm tắt nội dung, nêu những giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm; nêu ấn tượng sâu sắc của bản thân.
- HS nghe bài giới thiệu của bạn, ghi chép nhanh những nội dung hứng thú, những nội dung chưa rõ, câu hỏi trao đổi.
- HS trao đổi những nội dung, hình thức của bài nói, đưa ý kiến cá nhân đánh giá về bài nói hoặc chia sẻ thông tin về tác phẩm được nói.

c. Sản phẩm: Phân trình bày trực tiếp giới thiệu một tác phẩm văn học của học sinh và nội dung trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm						
* Thực hành nói và nghe: Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu các thành viên lên trình bày bài giới thiệu tác phẩm mình lựa chọn, mỗi bài tối đa 10 phút. - GV yêu cầu HS còn lại lắng nghe và ghi chú nhanh thông tin tiếp nhận được từ bài giới thiệu của bạn. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ- - HS được chỉ định chuẩn bị lên trình bày bài giới thiệu về tác phẩm theo lựa chọn cá nhân. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài nói - HS khác nghe và ghi chép, đặt câu hỏi thảo luận. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét về bài giới thiệu và chuẩn bị định hướng phân thảo luận của HS. * Trao đổi, đánh giá Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS sau khi nghe đưa ra các nhận xét, góp ý, câu hỏi về bài nói. Người nói tiếp nhận các ý kiến này và trao đổi thêm (tán đồng, bác bỏ, trả lời câu hỏi, bàn luận mở rộng...). HS có thể trao đổi	4. Thực hành nói và nghe a. Thực hành nói HS trình bày bài giới thiệu theo lựa chọn của cá nhân gồm đủ ba phần (như quy trình). b. Thực hành nghe - Lắng nghe. - Ghi chú nhanh thông tin tiếp nhận được từ bài giới thiệu. - Dự kiến những vấn đề trao đổi. 5. Trao đổi, đánh giá <table border="1"> <thead> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Giải thích thêm những điều người nghe còn chưa rõ hoặc chưa đồng tình.</td><td>- Chia sẻ những nội dung mà bạn tâm đắc trong bài nói (thông tin thú vị về tác giả, tác phẩm; cách nhìn mới mẻ, tiếp thu đối với những góp ý hữu ích và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu)</td></tr> <tr> <td>- Thảo luận về ý kiến và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu</td><td>- Trao đổi với người nói về những</td></tr> </tbody> </table>	Người nói	Người nghe	- Giải thích thêm những điều người nghe còn chưa rõ hoặc chưa đồng tình.	- Chia sẻ những nội dung mà bạn tâm đắc trong bài nói (thông tin thú vị về tác giả, tác phẩm; cách nhìn mới mẻ, tiếp thu đối với những góp ý hữu ích và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu)	- Thảo luận về ý kiến và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu	- Trao đổi với người nói về những
Người nói	Người nghe						
- Giải thích thêm những điều người nghe còn chưa rõ hoặc chưa đồng tình.	- Chia sẻ những nội dung mà bạn tâm đắc trong bài nói (thông tin thú vị về tác giả, tác phẩm; cách nhìn mới mẻ, tiếp thu đối với những góp ý hữu ích và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu)						
- Thảo luận về ý kiến và xác đáng về tác phẩm được giới thiệu	- Trao đổi với người nói về những						

về một vấn đề trong bài nói. - GV lưu ý HS: có nhiều cách đọc, cách giới thiệu và đánh giá khác nhau một tác phẩm theo lựa chọn cá nhân. Vì vậy, khi trao đổi người nói và người nghe nên đối thoại trên tinh thần cởi mở, sẵn sàng chấp nhận sự khác biệt trong quan điểm. - GV yêu cầu HS tự đánh giá và đánh giá bài nói theo phiếu đánh giá (Phụ lục) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS chuẩn bị tiến hành nhận xét bài nói và đặt câu hỏi trao đổi, thảo luận. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu một số học sinh nêu nhận xét và đặt câu hỏi trao đổi, thảo luận. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá về hoạt động trao đổi thảo luận.	thiệu; bổ sung thông tin; chuẩn bị lí lẽ để phản biện những ý kiến, quan điểm của người nghe mà người nói chưa nhất trí. - Thể hiện tinh thần tôn trọng, cầu thị khi trao đổi với người nghe, đặc biệt về các ý kiến phản biện. - Tự đánh giá phần trình bày bài nói, nêu những kinh nghiệm bổ ích, rút ra được qua trao đổi.	vấn đề chưa rõ, hoặc chưa đồng tình. - Có thể bổ sung những thông tin về tác phẩm được giới thiệu hoặc đưa ra ý kiến, quan điểm riêng để giúp người nói có cái nhìn toàn diện hơn về tác phẩm được giới thiệu. - Nêu nhận xét về nội dung và cách trình bày bài nói.
---	--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được bố cục và các nội dung trong một bài giới thiệu về tác phẩm văn học; trình bày ý kiến cá nhân về bài giới thiệu.
- HS biết chủ động chọn, thực hiện một bài giới thiệu về một tác phẩm văn học yêu thích.

b. Nội dung: Giới thiệu đề tài, tác phẩm lựa chọn; những nét nổi bật về tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, phương diện tâm đắc trong tác phẩm, ...

c. Sản phẩm: Đề cương; bài giới thiệu về một tác phẩm văn học tự chọn.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Tự chọn một tác phẩm văn học và chuẩn bị đề cương, viết bài chuẩn bị giới thiệu, quay clip.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS gửi clip tự quay lên nhóm lớp.
- HS đánh giá chéo về bài giới thiệu theo phiếu đánh giá (**Phụ lục**).

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV tổng kết những kết quả chính mà cả lớp đã cùng đạt được, lưu ý những kĩ năng quan trọng khi thảo luận đối với HS.

Phụ lục

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt

1	Bài nói chọn được tác phẩm người nói yêu thích và có sức hấp dẫn với người nghe.		
2	Các thông tin cơ bản về tác phẩm được nêu chính xác, đầy đủ và mạch lạc.		
3	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp, có hiệu quả.		
4	Phong cách trình bày tự tin, có sức thuyết phục.		
5	Nhận ý kiến phản hồi của người nghe với tinh thần cầu thị, tôn trọng các ý kiến khác biệt.		

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (cả bài 6)

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện theo nhóm.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chia nhóm trao đổi, thảo luận theo những câu hỏi sgk. - Nhóm 1: Câu 1 - Nhóm 2: Câu 2 - Nhóm 3: Câu 3 - Nhóm 4: Câu 4 - Nhóm 5: Câu 5 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm trước lớp - HS khác nhận xét, góp ý Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	Câu 1. Giới thiệu vị trí, nội dung và đặc điểm nghệ thuật của một đoạn trích trong <i>Truyện Kiều</i> tự chọn. Tham khảo: Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” - Vị trí đoạn trích: + Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” nằm ở phần mở đầu của <i>Truyện Kiều</i>. + Đoạn trích giới thiệu về đẹp và cuộc đời của Thúy Kiều và Thúy Vân. - Giá trị nội dung: + Đoạn trích khắc họa rõ nét chân dung của hai chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Đó là một vẻ đẹp chuẩn mực, lí tưởng của phụ nữ phong kiến. + Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người đồng thời là những dự cảm về vẻ đẹp, tài năng của con người và dự cảm về kiếp người tài hoa, bạc mệnh là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du. - Giá trị nghệ thuật: + Khắc họa rõ nét chân dung hai chị em Thúy Kiều. + Tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận. + Ngôn ngữ gợi tả, sử dụng biện pháp ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, dùng điển cố. + Nghệ thuật ước lệ cổ điển lấy thiên nhiên làm chuẩn mực để tả vẻ đẹp con người. Câu 2. Chỉ ra một số điểm khác biệt giữa Nguyễn Du với Thanh Tâm Tài Nhân trong cách miêu tả sự kiện trao duyên.

Tham khảo *Kim Vân Kiều truyện* (để so sánh với *Truyện Kiều*):

- Bối cảnh: ban ngày khi cha và em còn bị giam giữ, Kiều ngỏ lời với Thúy Vân trước (khác *Truyện Kiều*).
- Lời nhờ cậy và dặn dò của Kiều rành mạch, bề trên, chú tâm vào mất mát của bản thân hơn sự thiệt thòi của em gái (khác *Truyện Kiều*).
- Cách trao kỉ vật của Kiều nhanh gọn, dứt khoát (khác *Truyện Kiều*).
- Cử chỉ, hành động (khác *Truyện Kiều*).

Câu 3. Các văn bản đọc ở Bài 6 (*Tác gia Nguyễn Du, Trao duyên* - trích *Truyện Kiều*, *Độc Tiểu Thanh kí*) đã chứng minh những giá trị đặc sắc trong sáng tác của Nguyễn Du?

Tham khảo:

* Đóng góp lớn nhất của Nguyễn Du là sáng tác ra một *Truyện Kiều*, kết tinh mọi truyền thống giá trị tư tưởng và nghệ thuật của văn hóa dân tộc.

- **Xét về nội dung:** *Truyện Kiều* với chủ nghĩa nhân đạo, thương người lớn lao đã đưa tác phẩm lên tầm nhân loại (ngoài ra còn có tâm sự hoài Lê, tài mệnh tương đố, tư tưởng trung dung, tùy thời, quyền sống con người, thân mệnh tương đố...)

- **Xét về ngôn ngữ:**

+ Không chạy theo lối chữ đúc của thi pháp thơ Đường, mà sành sỏi trong việc dùng ngôn ngữ thuần Việt

+ Đó còn là một ngôn ngữ đẹp, mỹ thuật với cách phối màu, đối lập màu vốn có trong thơ Lí Bạch, Đỗ Phủ để tạo những cặp màu lung linh trong thơ mình.

+ Sự kết hợp các phương thức biểu đạt: nghệ thuật kể chuyện bằng thơ đã đạt đến tính hiện đại.

+ Về nhân vật, qua nhân vật Thúy Kiều, Nguyễn Du đã sáng tạo ra con người tâm lí, không còn là nhân vật nghĩa lí

+ Về cú pháp câu thơ *Truyện Kiều*: Nguyễn Du cũng là người sử dụng các phép tu từ của văn học trung đại như phép đối ngẫu, ẩn dụ, phép sóng đôi, điển cố, ... rất thành công và có bản sắc.

+ Cách ngắt nhịp rất đa dạng

* Nguyễn Du còn là một nhà thơ chữ Hán kiệt xuất của dân tộc. Với các tập thơ *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm*, và đặc biệt là *Bắc hành tạp lục*, tập thơ làm vào lúc đi sứ Trung Hoa theo lệnh của vua Gia Long, là nơi mà Nguyễn Du thể hiện một cái nhìn vượt lên những cảnh ngộ thông thường để biểu hiện một tầm vóc tư duy hiếm có của một đại thi hào

	thời trung đại. Câu 4. Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bình luận về tiếng đàn của Thúy Kiều trong một lần được Nguyễn Du miêu tả. Chú ý: - Tiếng đàn được miêu tả trong hoàn cảnh nào? - Tiếng đàn ấy thể hiện điều gì ở nhân vật (tài năng, tâm hồn)? - Cách miêu tả tiếng đàn có gì đặc sắc (từ ngữ, hình ảnh)? - Cách miêu tả tiếng đàn thể hiện thái độ, tình cảm gì của tác giả? Câu 5. Viết bài văn ngắn giới thiệu một bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du. Sử dụng bài viết để lập dàn ý cho bài nói (Giới thiệu một bài thơ chữ Hán theo lựa chọn cá nhân). Gợi ý: Cần nêu được: - Đề tài - Thể thơ - Đặc điểm nội dung và nghệ thuật - Vị trí và ý nghĩa của tác phẩm - Chú ý lồng ghép một hay nhiều yếu tố khác (miêu tả, biểu cảm, nghị luận,...)
--	---

6. HOẠT ĐỘNG 6: THỰC HÀNH ĐỌC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật trong sáng tác chữ Hán và chữ Nôm của Nguyễn Du, từ đó tiếp tục vận dụng vào việc *Thực hành đọc: Chí khí anh hùng* (Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du), *Mộng đắc thái liên* (*Mơ đi hái sen* - Nguyễn Du)

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ, gợi ý cho HS thực hiện theo nhóm.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
1. Thực hành đọc: <i>Chí khí anh hùng</i> GV hướng dẫn HS thực hiện số tiếp theo của chương trình: <i>Truyện Kiều – Trao đổi và Đối thoại</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chia nhóm trao đổi các vấn đề: + Nghệ thuật tạo dựng bối cảnh. + Đặc điểm người kể chuyện.	1. Thực hành đọc: <i>Chí khí anh hùng</i> * Nghệ thuật xây dựng bối cảnh - Bối cảnh tự sự: Cuộc đời Kiều tưởng chừng như sẽ rơi vào bế tắc khi lần thứ hai rơi vào lầu xanh. Thì bỗng nhiên Từ Hải xuất hiện và cứu nàng thoát khỏi cảnh ô nhục. Từ Hải đã cho Kiều một danh phận cũng như giúp nàng báo ân, báo oán. Cuộc sống của hai người đương hạnh phúc, ấm êm. - Thời gian, không gian: + Nửa năm trôi qua, Từ Hải không bằng lòng với cuộc sống êm đềm mà muốn có sự nghiệp lớn nên đã từ biệt Kiều ra đi để gây dựng sự nghiệp. + Nhân vật được đặt trong không gian vũ trụ rộng lớn.

+ Phẩm chất anh hùng của nhân vật Từ Hải. + Nghệ thuật xây dựng nhân vật. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm HS trình bày sản phẩm trước lớp. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	* Đặc điểm người kể chuyện - Ngôn ngữ kể chuyện: bao gồm ngôn ngữ tác giả và ngôn ngữ đối thoại, cho thấy chí khí của Từ Hải. - Hình ảnh ước lệ kết hợp với cảm hứng vũ trụ. - Giọng điệu ngợi ca. => Nguyễn Du đã khắc họa thành công người anh hùng Từ Hải - con người mang hoài bão lớn lao. * Phẩm chất anh hùng của nhân vật Từ Hải - Từ Hải - Ý chí, khát vọng vùng vẫy giữa trời đất. - Từ Hải - Chí khí, hoài bão, lớn lao, phi thường. - Từ Hải - Tình yêu và khát vọng hạnh phúc phi thường. - Từ Hải - Con người dứt khoát, tự tin, đầy bản lĩnh. => Hình ảnh Từ Hải: + Thể hiện ước mơ về người anh hùng lí tưởng của thời đại: chí khí, hoài bão lớn lao, khát vọng phi thường. + Là biểu tượng về khát vọng tự do và lẽ công bằng. * Nghệ thuật xây dựng nhân vật Từ Hải - Nhân vật thể hiện tính cách qua lời thoại, cử chỉ, hành động,... - Tác giả chủ yếu sử dụng bút pháp lãng mạn, lý tưởng hóa nhân vật. - Nguyễn Du đồng thời sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ, tượng trưng. - Nhân vật mang tầm vóc vũ trụ thông qua nghệ thuật tương phản, đối lập quen thuộc của bút pháp lãng mạn.
2. Thực hành đọc: <i>Mộng đặc thái liên</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chia 5 nhóm trao đổi các vấn đề: + Đề tài, cảm hứng sáng tác. + Cấu tứ bài thơ. + Cách triển khai mạch trữ tình. + Vẽ đẹp tâm hồn thi nhân. + Vẽ đẹp hình thức của bài thơ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm HS thuyết trình sản phẩm trước lớp Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá, bổ	2. Thực hành đọc: <i>Mộng đặc thái liên</i> * Đề tài, cảm hứng sáng tác - Đề tài: hoa sen - Cảm hứng sáng tác: Sáng tác thời làm quan với nhà Nguyễn, bài thơ được gợi lên từ khung cảnh hái sen, con người và công việc hái sen, rồi từ bông hoa sen, tác giả nêu lên những triết lí về cuộc sống con người. * Cấu tứ bài thơ Tác phẩm “Mộng đặc thái liên” của Nguyễn Du chủ yếu xoay quanh nội dung về cuộc sống và công việc hái sen, đồng thời truyền tải những triết lí về cuộc sống con người. * Cách triển khai mạch trữ tình - <i>Mô tả cảnh hái sen ở Tây Hồ và người hái sen một cách cụ thể, sinh động trong mộng ước về sự hẹn gặp cô gái hàng xóm</i> - <i>Bắt đầu suy tư triết học về giá trị của hoa sen</i> - <i>Kết thúc bài thơ với triết lý về cuộc sống và con người</i> * Vẽ đẹp tâm hồn thi nhân

sung, chốt lại kiến thức.	- Qua hình ảnh hoa sen thuần khiết, tác giả thể hiện: + Vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, tình yêu thiết tha với cuộc đời. + Những triết lý nhân sinh sâu sắc: đừng chỉ coi trọng cái đẹp mà quên đi những giá trị tốt đẹp tiềm ẩn của những thứ khác nơi con người, cũng giống như chỉ coi trọng hoa sen mà quên đi những bộ phận khác của hoa sen, trong khi chúng cũng đẹp và đáng quý như hoa sen vậy. - Tâm hồn nhạy cảm, lãng mạn và tinh tế. * Vẻ đẹp hình thức của bài thơ - Thể thơ ngũ ngôn: Là một thể thơ Đường, gồm 4 câu, mỗi câu 5 chữ, mỗi câu sẽ tương ứng đề, thực, luận, kết. Về vần, thể thơ này thường gieo vần ở chữ cuối câu 1, 3 hoặc 2, 4. - Thi liệu được sử dụng: Hoa sen, Hồ Tây, cô hàng xóm => Vừa quen thuộc trong thơ cổ, vừa chân thực, gần gũi và sống động. - Ngôn ngữ và hình ảnh: - Tác giả sử dụng ngôn ngữ thơ tinh tế và trau chuốt, nhưng vẫn giữ được sự giản dị và dễ hiểu. - Tác giả chú trọng đến chi tiết nhỏ giúp người đọc hình dung cảnh vật và con người một cách rất chân thực.
----------------------------------	---

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 7:** Ghi chép và tưởng tượng trong kí (Độc Tri thức Ngữ văn và chuẩn bị văn bản 1. *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* – Hoàng Phủ Ngọc Tường).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 11 *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3, 9 được tập huấn.
- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

.....